



Báo cáo
thường niên
2015

SÁNG MÃI NIỀM TIN

SẴN SÀNG BÚT PHÁ

- 
- 06.** THÔNGIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 - 10.** CHẶNG ĐƯỜNG 21 NĂM
 - 12.** CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011 - 2015
 - 15.** QUẢN TRỊ RỦI RO

- 16.** MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG
- 22.** CƠ CẤU TỔ CHỨC GIAI ĐOẠN
2011 - 2015
- 24.** GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HĐQT &
BKS
- 30.** GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

NỘI DUNG

34. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

36. 10 DẤU ẤN QUAN TRỌNG 2015

38. GIẢI THƯỞNG THÀNH TÍCH 2015

42. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

54. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

64. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

70. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Kính thưa các quý vị cổ đông,

Năm 2015, tình hình chính trị - kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, rơi vào “chu kỳ tăng trưởng thấp kéo dài”. Tăng trưởng 2015 ở mức 2,4% (năm 2014 là 2,6%). Giá dầu thế giới sụt giảm mạnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu ngân sách Chính phủ. Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ, tác động tiêu cực đến cán cân thương mại và tỷ giá của đồng Việt Nam... Ở Việt Nam, kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, năm 2015 tình hình kinh tế xã hội đất nước ta đạt được kết quả tích cực. Tăng trưởng GDP đạt 6,68% so với 2014 (cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao nhất trong 5 năm trở lại đây). Lạm phát duy trì mức tăng 0,6% là mức thấp nhất trong 14 năm qua.

Trong bối cảnh đó, MB kiên định phương châm **“Tái cơ cấu, phát triển bền vững”** với những bước đi vững chắc đã và đang khẳng định vị thế **Top 5 ngân hàng thương mại tại Việt Nam về lợi nhuận và hiệu quả**. Năm 2015, MB đã hoàn thành và hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể: MB đã hoàn thành tăng vốn điều lệ theo kế hoạch đạt 16.000 tỷ đồng đảm bảo nguồn lực cho phát triển bền vững; Lợi nhuận trước thuế đạt 3.151 tỷ đồng; hoàn thành vượt mức kế hoạch tăng trưởng dư nợ (19,63%) và huy động (8,2%), xuất sắc giảm tỷ lệ nợ xấu xuống còn 1,62% - thấp hơn năm 2014 (2,73%) và thấp so với trung bình ngành, quản trị chi phí hoạt động hiệu quả. MB đã có mạng lưới rộng khắp với 253 điểm giao dịch (trong đó có 2 chi nhánh tại Lào và Campuchia). Chương trình tái cơ cấu các chi nhánh và công ty thành viên đạt kết quả tốt. Hoạt động đầu tư tập đoàn theo mô hình ngân hàng mẹ và các công ty thành viên được triển khai quyết liệt. Bên cạnh các mảng chủ chốt hiện tại, trong năm, MB đã được NHNN chấp thuận thành lập thêm 02 công ty thành viên tại lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ (MB Ageas Life) và tài chính tiêu dùng (MFinance) và chuyển Tổng công ty Bảo hiểm Quân đội (MIC) thành công ty thành viên

của MB, góp phần giúp MB thực hiện được mục tiêu phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới tiềm năng, đa dạng hóa nguồn thu, tăng năng lực quản trị rủi ro và nâng cao giá trị vốn góp của cổ đông. Các dự án chiến lược với quy mô đầu tư lớn cũng được triển khai chất lượng và đúng tiến độ như dự án trụ sở mới tại 63 Lê Văn Lương và các dự án đầu tư trụ sở chi nhánh tại các địa bàn trọng điểm.

Năm 2015, sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ đồng, cơ cấu cổ đông của MB đạt được sự ổn định, có sự thống nhất cao trong định hướng quản trị điều hành và tăng cường sự hợp tác phối hợp cùng phát triển. MB có thêm đối tác chiến lược mới là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó nhiều năm với MB như Viettel, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam... Đồng thời, ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của một tổ chức niêm yết nhận được nhiều quan tâm của thị trường, MB luôn nỗ lực duy trì tính hiệu quả, nâng cao tính minh bạch trong quản trị điều hành và hướng đến những thông lệ quản trị tiên tiến để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông. MB cũng đã hoàn thành chi trả cổ tức 10% cho năm 2014 và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5% cho năm 2015, xin phép các cơ quan quản lý để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MBB của nhà đầu tư nước ngoài lên 20%, đã đáp ứng được phần nào sự kỳ vọng của các nhà đầu tư/các quỹ đầu tư nước ngoài mong muốn nắm giữ cổ phiếu MBB.

Với những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông, khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của NHNN VN và vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, của Bộ Quốc Phòng, của Ngân hàng Nhà nước, Bằng khen của UBND TP Hà Nội, giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái bình dương và danh hiệu cao quý “Anh hùng lao động” do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Kính thưa các quý vị!

Có được những thành tích như hôm nay, Chúng tôi đã kiên định triển khai Chiến lược phát triển 05 năm (2011 - 2015) của MB. HĐQT, BĐH cùng đội ngũ cán bộ nhân viên MB đã xây dựng các kế hoạch kinh doanh bám sát tình hình thị trường, đưa ra các giải pháp linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển kinh doanh mạnh mẽ, trong đó ưu tiên cho việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức và củng cố hệ thống quản trị rủi ro để đảm bảo bộ máy vận hành ổn định, an toàn và tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của chính phủ và của ngành ngân hàng, trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu của ngành ngân hàng.

Năm 2016, dự báo hệ thống các ngân hàng thương mại sẽ chịu sự cạnh tranh lớn do quy mô các tổ chức tín dụng tăng lên nhờ sáp nhập theo chủ trương tái cơ cấu của NHNN, HĐQT, Ban Lãnh đạo và tất cả CBNV MB quyết tâm tiếp tục nỗ lực, tập hợp sức mạnh tập thể để tạo động lực cho

giai đoạn chiến lược mới 2016 – 2020. MB xác định phương châm: **“Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả”** trong đó trọng tâm phát triển là đầu tư nguồn lực, phát triển bền vững; đảm bảo mục tiêu MB tiếp tục nằm trong **TOP 5 các NHTM về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động**. Ngân hàng sẽ tiếp tục nỗ lực tối ưu hóa danh mục tài sản, quản trị nhân sự, đầu tư công nghệ thông tin, quản trị rủi ro vượt trội, bên cạnh đó tăng năng lực bán hàng, bán chéo trong tập đoàn, thiết kế sản phẩm/dịch vụ, tập trung vận hành, hướng đến mô hình tập đoàn với các công ty thành viên thực sự vững mạnh trong lĩnh vực hoạt động, triển khai 2 mảng kinh doanh mới là Bảo hiểm Nhân thọ và Tài chính tiêu dùng.

Kính thưa các quý vị!

Trong gần 22 năm qua, với mong muốn trở thành người bạn đồng hành tận tâm và đáng tin cậy của quý khách hàng, đối tác và cổ đông, MB đã và đang tiếp tục phấn đấu hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và đem lại nhiều giá trị gia tăng hơn cho khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Sự tin tưởng và ủng hộ của quý vị là nguồn cổ vũ và động lực mạnh mẽ để MB nỗ lực và quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2016 cũng như mục tiêu phát triển trong thời gian tới.

Chúng tôi cam kết MB sẽ tiếp tục là điểm tựa tài chính an toàn, bền vững cho mọi đối tượng khách hàng; là lựa chọn đầu tư hiệu quả đối với các quý vị cổ đông và là một trong những tổ chức tài chính uy tín có đóng góp tích cực vào việc thực hiện chính sách tiền tệ của Chính phủ và NHNN; đồng thời tiếp tục tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm vào các chương trình an sinh xã hội.

Thay mặt HĐQT, BKS MB, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các cơ quan nhà nước, Quý vị cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua; hy vọng sẽ tiếp tục nhận được ủng hộ và đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.

LÊ HỮU ĐỨC
Chủ tịch HĐQT





THÔNG TIN CHUNG

Chặng đường 21 năm

Chiến lược phát triển 2011 - 2015

Quản trị rủi ro

Mạng lưới hoạt động

Cơ cấu tổ chức giai đoạn 2011 - 2015

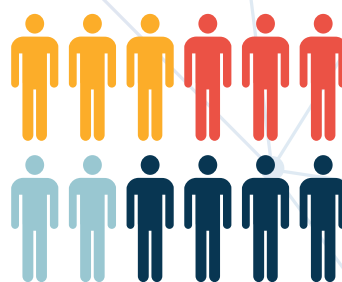
Giới thiệu thành viên HĐQT & Ban Kiểm Soát

Giới thiệu thành viên Ban Điều hành

Phát triển nguồn nhân lực

10 Dấu ấn quan trọng 2015

Giải thưởng, thành tích 2015



1994

Ngày 04/11/1994, MB được thành lập với mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp quân đội làm kinh tế. Số vốn ban đầu chưa đến 20 tỷ đồng – rất thấp so với quy mô của các ngân hàng khác tại thời điểm đó.

1995 - 2002

Từ vị thế một ngân hàng nhỏ, MB đã đặt nền tảng phát triển bền vững và ổn định, trở thành Ngân hàng duy nhất có lợi nhuận trong cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 – chỉ 3 năm sau thời điểm thành lập; duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 20-30% trong năm tiếp theo.

Trong giai đoạn này, MB cũng đánh dấu sự trưởng thành, mở rộng quy mô phát triển bằng việc trở thành thành viên của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng (1997); Mua lại khách sạn ASEAN với khuôn viên gần 10.000 m² (1999). Đến năm 2000, thành lập Công ty Chứng khoán Thăng Long – Tiền thân của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) ngày nay và thành lập Công ty Quản lý nợ & Khai thác tài sản (nay là Công ty MB AMC) vào năm 2002. Đây là những dấu mốc quan trọng, đặt nền móng cho mô hình quản lý theo định hướng tập đoàn tài chính đa năng và hiện đại của MB.

Khép lại giai đoạn này, sự phát triển của MB đã vượt ra khỏi nhiệm vụ ban đầu là phục vụ quân đội để trở thành tổ chức tài chính có thể đáp ứng nhu cầu của hầu hết các phân khúc khách hàng tại Việt Nam.

Với ý tưởng xây dựng một định chế tài chính doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp Quân đội, ngày **04/11/1994: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI** chính thức đi vào hoạt động.

Trụ sở tại số 28, Điện Biên Phủ, Hà Nội với số vốn điều lệ **20 tỷ đồng và 25 cán bộ nhân viên**.



2003 - 2010

Trong giai đoạn này, MB bắt đầu kế hoạch cải tổ để phát triển toàn diện, mở rộng thị trường và thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh và bền vững trong giai đoạn 2003 - 2008, với tầm nhìn đến năm 2015.

Đánh dấu cho giai đoạn này là những sự kiện tiêu biểu như: Trở thành Ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phần thông qua bán đấu giá ra công chúng với tổng mệnh giá là 20 tỷ đồng vào năm 2004; Ký kết thỏa thuận hợp tác ba bên với Vietcombank và Viettel, hợp tác với Citibank (2005) để xây dựng cơ sở cho phát triển các sản phẩm - dịch vụ tài chính có hàm lượng công nghệ cao sau này; Mở rộng lĩnh vực hoạt động theo lộ trình phát triển chuỗi sản phẩm - dịch vụ tài chính toàn diện, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng bằng việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội (HFM), nay là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Capital) (2006). Đặc biệt, trên đà phát triển mạnh mẽ, MB tăng vốn điều lệ thành công lên các mức 3.400 (2008) và 5.300 tỷ đồng (2009). Đặc biệt, năm 2010, MB cũng bắt đầu xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của Ngân hàng giai đoạn 2011 - 2015.

Khép lại giai đoạn 2003 - 2010, MB ghi dấu sự phát triển ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia bằng việc thành lập chi nhánh đầu tiên tại Lào, chính thức khai trương vào ngày 30/12/2010.

2011 - 2015

Trên cơ sở những thành công và kinh nghiệm đã tích lũy trong hơn 15 năm trước, MB bắt đầu vào giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển 2011 - 2015 với tầm nhìn đến năm 2020 nhằm kiện toàn lại mọi mặt hoạt động, mục tiêu đưa MB vào vị trí TOP3 Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam không do nhà nước nắm cổ phần chi phối.

Trong năm đầu tiên của giai đoạn mới, năm 2011, MB chuyển chức năng hành chính quản sự về trực thuộc Bộ Quốc Phòng, Đảng bộ Ngân hàng trực thuộc Quân ủy Trung ương. Thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX); Mở rộng hoạt động tại thị trường nước ngoài bằng việc thành lập thêm chi nhánh tại Campuchia.

Dấu ấn rõ rệt nhất của MB trong giai đoạn này là việc bứt phá lên giữ vị trí trong nhóm đầu về lợi nhuận kinh doanh, hiệu quả hoạt động so với các ngân hàng thương mại cổ phần không do nhà nước nắm cổ phần chi phối; một trong năm ngân hàng thương mại tại Việt Nam về lợi nhuận và hiệu quả. Trong 04 năm liên tục, từ 2012 đến 2015, lợi nhuận của MB luôn lớn nhất trong nhóm các NHTM cổ phần. Đặc biệt, ghi nhận những thành tựu của MB, năm 2015 - Ngân hàng vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

BÁO CÁO TỔNG KẾT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

NGÂN HÀNG THUẬN TIỆN

**NGÂN HÀNG
CỘNG ĐỒNG**

**NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGHIỆP**

**NGÂN HÀNG
GIAO DỊCH**

QUẢN TRỊ RỦI RO HÀNG ĐẦU

**VĂN HÓA CUNG CẤP DỊCH VỤ, THỰC THI NHANH
HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG**

➔ MB HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Năm 2010, với sự tư vấn của nhà tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới - Mc. Kinsey, MB triển khai và xây dựng chiến lược giai đoạn 2011-2015 với mục tiêu trở thành ngân hàng thuận tiện đối với khách hàng, đứng trong TOP 3 Ngân hàng TMCP Việt Nam vào năm 2015.

Với sự đồng thuận và chỉ đạo sát sao của HĐQT, BKS, Ban điều hành cùng sự quyết tâm, chủ động, sáng tạo của CBNV, MB đã xây dựng và triển khai kế hoạch bám sát mục tiêu chiến lược, phù hợp tình hình thị trường và nguồn lực nội bộ. Sau 05 năm triển khai chiến lược giai đoạn 2011-2015, MB đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược TOP 3 NHTMCP Việt Nam đến năm 2015 với tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu cơ bản về dư nợ, huy động, lợi nhuận cao hơn so với bình quân ngành.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân MB giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 20,3%, gấp 1,5 lần so với bình quân ngành ước đạt 13%, đạt mục tiêu chiến lược. Tốc độ tăng trưởng bình quân huy động vốn MB đạt khoảng 22,4%, gấp 1,7 lần so với bình quân toàn ngành ước đạt 14%, đạt mục tiêu chiến lược. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân MB khoảng 7,8% cao hơn nhiều so với toàn ngành ước đạt âm (-) 10%; Quy mô lợi nhuận trước thuế đạt vị trí TOP1 trong khối ngân hàng TMCP, vượt mục tiêu chiến lược TOP3 ngân hàng TMCP Việt Nam.

Sau 5 năm triển khai sáng kiến, mọi mặt hoạt động của MB đã được cải tổ mạnh mẽ, chất lượng dịch vụ không ngừng nâng cao đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

1. Cải tiến các mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế.

Xây dựng mô hình Quản trị rủi ro (QTRR) tách biệt thẩm định ra khỏi QTRR. Chức năng Quản trị rủi ro của MB được tối ưu theo thông lệ với tất cả các loại rủi ro (tín dụng, hoạt động, thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập đoàn, rủi ro chi nhánh nước ngoài) thực hiện 2 chức năng chính: xây dựng chính sách quản trị rủi ro và giám sát rủi ro. MB đã ban hành khung QTRR hoạt động và áp dụng 3 công cụ kiểm soát rủi ro hoạt động sớm nhất trên thị trường từ năm 2013; xây dựng và triển khai mới hệ thống XHTD và thẩm định tự động CRA theo thông lệ quốc tế; ứng dụng hệ thống công nghệ đối với công tác QTRR thị trường trên module T-risk, phần mềm F2B, hệ thống quản lý hạn mức tín dụng khách hàng, hệ thống cảnh báo sớm rủi ro trên CRA, phần mềm quản lý thu hồi nợ, hệ

thống phòng chống rửa tiền; hệ thống báo cáo tài chính được chuyển dịch theo hướng tự động hóa; hoàn thành xây dựng nguyên tắc, mô hình và công cụ phân bổ vốn theo thông tư 36/NHNN và phương pháp tiêu chuẩn trong Basel II (SA), là tiền đề phân bổ vốn đầy đủ theo các loại rủi ro sau khi hoàn thành dự án Basel II.

Xây dựng mô hình Tài chính kế toán (TCKT) được tách biệt và chuyên môn hóa hoạt động theo 3 chức năng gồm kế toán tập trung, quản trị MIS, nhằm tập trung hóa hoạt động kế toán để quản lý hiệu quả kinh doanh. Mô hình phân bổ chi phí cho phép phân bổ chi phí toàn diện theo thông lệ quốc tế đến từng đơn vị kinh doanh, nhóm khách hàng, sản phẩm trên phần mềm Cost perform, là cơ sở để xác định Lợi nhuận theo từng Khối Kinh doanh/ Vùng/ khách hàng/ Sản phẩm.

Mô hình Thẩm định, Phê duyệt, Vận hành được thiết kế độc lập với kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn Basel II; 100% các chi nhánh được tập trung hóa hoạt động thẩm định, phê duyệt, vận hành về các trung tâm để giải phóng lực lượng bán hàng, tập trung cho kinh doanh và MB kiểm soát được rủi ro khi quy mô kinh doanh, khối lượng khách hàng tăng mạnh. Thực hiện tái thiết kế từ đầu đến nhóm quy trình nghiệp vụ chính yếu của ngân hàng theo phương pháp Lean six sigma (LSS) như quy trình thanh toán, Thẻ, Tài trợ thương mại, Tín dụng; Quy định và đánh giá thực hiện cam kết thời gian xử lý giao dịch (SLA) trong từng quy trình. Tin học hóa và triển khai toàn hệ thống quy trình trên BPM - hệ thống Quản lý quy trình từ đầu đến cuối trên 1 hệ thống phần mềm BPM. Mô hình phê duyệt tín dụng tập trung (5 cấp) và thẩm quyền tín dụng mới được phê duyệt.

MB là một trong số ít ngân hàng áp dụng thành công mô hình quản trị thành tích theo thông lệ quốc tế sử dụng KPI (01 bộ Kpis toàn hàng, 22 bộ Kpis cấp Khối, 636 bộ Kpis các chức danh) và có đầy đủ văn bản về công tác nhân sự về tuyển dụng, đào tạo, lương – đãi ngộ, quản trị thành tích/ quản trị nhân tài, thi đua khen thưởng, phát triển nguồn lực, sổ tay cán bộ quản lý/ sổ tay nhân viên, sổ tay quản trị thành tích. Sau quá trình thực thi chiến lược, mô hình tổ chức MB (MHTC) đã được tối ưu hóa theo mô hình tập trung, chuyên môn hóa, quản lý theo trục dọc kết hợp với trục ngang, định hướng theo khách hàng, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, từng bước tạo nguồn lực, nền tảng văn hóa thực thi nhanh hướng tới khách hàng.

2. Thiết kế sản phẩm, dịch vụ và đổi mới phương thức tổ chức kinh doanh đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng

Sản phẩm được chú trọng và cải tiến, thiết kế, đóng gói phù hợp với từng phân khúc khách hàng/ nhóm khách hàng đặc thù, ngành chiến lược. Tăng cường các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Phát triển đầy đủ và đa dạng các loại sản phẩm Internet banking đáp ứng nhu cầu khách hàng; Riêng kênh liên kết với Viettel, MB phát triển được 07 sản phẩm: BankPlus, Nộp tiền, Rút tiền, Chuyển tiền, Tiết kiệm, Kiều hối và Vay vi mô; Là ngân hàng duy nhất được NHNN cấp 3 giấy phép triển khai thí điểm mô hình dịch vụ thanh toán MB-Viettel cho sản phẩm BankplusS, cung cấp sản phẩm BankplusS, cung cấp hệ thống thanh toán MPOS.

Mô hình tổ chức kinh doanh được xây dựng và triển khai theo chỉ đạo trực dọc từ khối kinh doanh đến từng vùng/ chi nhánh, đồng bộ và thống nhất với mô hình tổ chức MB giai đoạn 2011-2015. Lực lượng bán hàng được cơ cấu lại, thực hiện phân cấp theo năng lực, kinh nghiệm; Thực hiện giao và đánh giá mục tiêu theo KPI đến từng RM, đổi mới cơ chế thưởng định kỳ hàng tháng; Áp dụng các công cụ bán hàng, kỹ năng bán hàng cùng với việc hỗ trợ hệ thống công nghệ trong công tác quản lý hoạt động bán hàng tại chi nhánh bằng hệ thống phần mềm CRM thay vì theo dõi, báo cáo thủ công...Nhờ đó, hiệu quả bán hàng của chi nhánh/ RM ngày càng được nâng cao. Phát triển mới kênh bán sản phẩm ngân hàng thông qua mạng lưới Viettel. MB là đối tác duy nhất với Viettel được cấp phép triển khai dịch vụ tiền mặt (nộp/rút/chuyển tiền mặt) và là ngân hàng duy nhất được truyền thông tại các điểm giao dịch Viettel.

3. Tập trung đầu tư & cải tổ hạ tầng công nghệ thông tin

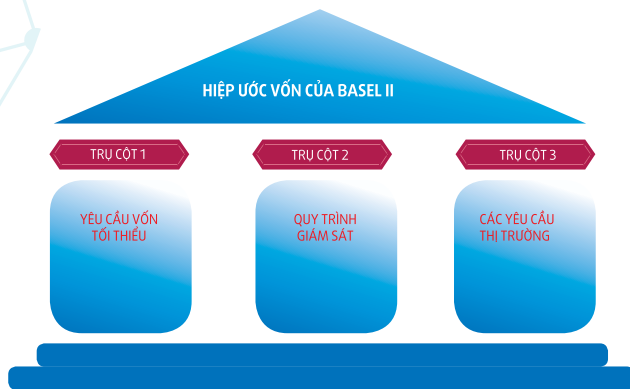
Năng lực công nghệ thông tin được cải thiện đáng kể; Xây dựng và triển khai được hạ tầng CNTT đạt chuẩn quốc tế TIA-942, vận hành CNTT đạt chuẩn quốc tế ITIL, thiết lập và vận hành quy trình DRP; Ứng dụng và đổi mới công nghệ trong hoạt động ngân hàng được tăng cường (CNTT đã kết nối 100% mạng lưới Viettel tại Việt Nam và Campuchia. Phát triển và bàn giao sử dụng 12 hệ thống phần mềm theo mục tiêu chiến lược: Kinh doanh Treasury (F2B); phân bổ chi phí (Cost perform); xếp hạng tín dụng và thẩm định tự động (CRA); luân chuyển chứng từ giao dịch tín dụng (Process maker); phòng chống rửa tiền (AML); quản lý thu hồi nợ (Debt Collection); quản lý hạn mức khách hàng (Limit); hạ tầng liên kết mobile banking với Viettel (Bank-lus) và mạng viễn thông khác (MB.Plus); tin học hóa 3 quy trình: Chuyển tiền quốc tế chiều đi, LC nhập khẩu, Tín dụng KHCN trên hệ thống BPM; hạ tầng Ngân hàng giao dịch mới Ebanking cho KHDN; hạ tầng Ngân hàng giao dịch mới Ebanking cho KHCN; triển khai chính thức các tính năng cơ bản của hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM); Cơ chế giá vốn (FTP); Hệ thống CRM; quản lý luồng quy trình BPM cho tín dụng KHDN.

Sau 5 năm triển khai chiến lược, MB đã hoàn thành tốt các mục tiêu đã được hoạch định; Định hướng vào khách hàng, thị trường, thượng tôn Pháp luật; Phát triển nguồn lực; Quản lý tri thức, Quản lý các quá trình hoạt động, thực hiện các cam kết chất lượng; Hiệu quả hoạt động của ngân hàng không ngừng được nâng cao qua các năm.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2015 là chặng tăng tốc cuối cùng để MB hoàn thành chiến lược giai đoạn 2011 – 2015 của Ngân hàng và là tiền đề quan trọng cho khát vọng và chiến lược cao hơn xa hơn trong giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh những kết quả nổi bật trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro của MB cũng được cải tiến mạnh mẽ đảm bảo hỗ trợ hoạt động kinh doanh “bền vững – hiệu quả – an toàn” và vị thế của MB trong hoạt động Quản trị rủi ro được khẳng định.



Mô hình tổ chức của toàn MB chuyển hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, phân tách chức năng, nhiệm vụ rõ ràng theo “ba vòng kiểm soát” cho phép tách bạch trách nhiệm giữa các chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo tăng năng lực cạnh tranh và kiểm soát được rủi ro. Mô hình kinh doanh tín dụng của MB với chức năng thẩm định/phê duyệt/ vận hành tập trung tại Hội sở, độc lập với kinh doanh được xác định là một điểm vượt trội so với thị trường hiện nay, giúp MB giải phóng nguồn lực tối đa lực lượng kinh doanh nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro khi quy mô kinh doanh và khối lượng khách hàng tăng mạnh. Mô hình tài chính kế toán tập trung theo ba chức năng kế toán, quản trị tài chính và quản trị dữ liệu (MIS).

Chức năng Quản trị rủi ro của MB được tối ưu theo thông lệ với tất cả các loại rủi ro (tín dụng, hoạt động, thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập đoàn, rủi ro chi nhánh nước ngoài) thực hiện 2 chức năng chính: xây dựng chính sách quản trị rủi ro và giám sát rủi ro. Theo đó, MB đã triển khai xây dựng hệ thống khung quản trị rủi ro để định hướng, tổ chức vận hành và triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược và mục tiêu kinh doanh của MB từng thời kỳ: Khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng định hướng các phân khúc/đối tượng khách hàng mục tiêu cụ thể hàng năm, chính sách quản trị rủi ro hoạt động, Chính sách quản trị rủi ro thị trường/rủi ro thanh khoản/rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, các giới hạn rủi ro mà MB chấp nhận,...Bên cạnh đó, MB còn ưu tiên

đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai xây dựng và vận hành các mô hình rủi ro tiệm cận thông lệ quốc tế, có thể kể đến như: Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (CSSY) xếp hạng tín dụng được ngân hàng Nhà nước phê duyệt triển khai áp dụng từ năm 2008; Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (CRA) do MB chủ động nâng cấp đối với phân khúc khách hàng cá nhân với độ chính xác cao, hỗ trợ công tác thẩm định tự động đối với các sản phẩm chuẩn và hiện nay MB đang lựa chọn các đối tác để xây dựng mô hình xác suất vỡ nợ (PD), giá trị tổn thất ước tính tại thời điểm vỡ nợ (LGD), giá trị dư nợ ước tính tại thời điểm vỡ nợ (EAD), để đo lường đầy đủ các rủi ro tín dụng từ khách hàng hỗ trợ tốt hơn nữa công tác thẩm định, phê duyệt và giám sát chất lượng tín dụng.

Công tác tái thiết kế các quy trình kinh doanh trọng yếu theo hướng “End to end” từ khâu bán hàng – thẩm định – phê duyệt – vận hành – quản lý và thu hồi nợ, bố trí tối ưu các chốt kiểm soát và phân định rõ chức năng nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cá nhân/đơn vị trên nền tảng tin học hóa quy trình - BPM và liên tục áp dụng các công cụ đo lường chất lượng dịch vụ tiên tiến như SLA (cam kết chất lượng dịch vụ), LSS (Lean Six Sigma – chỉ số chuẩn hóa về thiết kế quy trình), tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO,... đảm bảo xử lý hồ sơ nhanh và thuận tiện trong giao dịch, hướng tới nhu cầu ngày càng tăng cao của khách hàng như quy trình tín dụng khách hàng cá nhân/doanh nghiệp, quy trình tài trợ thương mại, quy trình thanh toán. Ngoài ra, MB còn triển khai các mô hình, công cụ đo lường, đánh giá và kiểm soát hiệu quả kinh doanh như: Phân bổ chi phí, giá vốn nội bộ, ...

Một điểm đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro của MB giúp các thành quả MB đạt được luôn là “sự phát triển bền vững” phải kể đến văn hóa quản trị rủi ro. Văn hóa quản trị rủi ro của MB được nhận thức và thực thi đầy đủ trong toàn ngân hàng từ mô hình tổ chức – quy trình – nguồn lực. MB luôn tuân thủ và triển khai đầy đủ chính sách của pháp luật và quy định của Ngân hàng Nhà nước, quá trình quản lý và giám sát của cơ quan thanh tra giám sát luôn xếp MB ở nhóm Ngân hàng hoạt động an toàn.

Hoạt động quản trị rủi ro của MB luôn được Ngân hàng nhà nước đánh giá tốt và được lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng tham gia triển khai thí điểm Basel II (*) giai đoạn 2014-2019. Trong thời gian tới, MB sẽ tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng nhà nước công nhận là ngân hàng tuân thủ Basel II và ứng dụng mạnh mẽ các thông lệ này để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của MB tăng trưởng – hiệu quả – bền vững.

(*)Hiệp ước vốn Basel II là những khuyến nghị về luật và quy định ngành ngân hàng được ban hành bởi ủy ban Basel về giám sát ngân hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2015, MB CÓ 01 TRỤ SỞ CHÍNH VÀ 253 ĐIỂM GIAO DỊCH ĐƯỢC NHNN CẤP PHÉP, TRONG ĐÓ:

02 CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI LÀO VÀ CAMPUCHIA

81 CHI NHÁNH TRONG NƯỚC

169 PHÒNG GIAO DỊCH

01 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NGA

Tỉnh/ Thành phố ĐGD

Hà Nội 63

Hung Yên 4

Bắc Ninh 3

Hải Phòng 13

Hải Dương 2

Quảng Ninh 7

Việt Trì 5

Vĩnh Phúc 1

Thái Nguyên 4

Ninh Bình 4

Thanh Hóa 4

Nghệ An 4

Lào Cai 3

Bắc Giang 2

Thái Bình 3

Hà Tĩnh 3

Nam Định 1

Hà Nam 1

Hòa Bình 1

Sơn La 1

Lạng sơn 1

Tuyên Quang 1

Yên Bái 1

Huế 4

Tỉnh/ Thành phố ĐGD

Quảng Trị 2

Đà Nẵng 8

Quảng Nam 3

Quảng Ngãi 3

Bình Định 3

Khánh Hòa 4

Đắk Lắk 2

Gia Lai 2

Quảng Bình 1

Hồ Chí Minh 41

Đồng Nai 5

Bà Rịa Vũng Tàu 5

Cần Thơ 4

Bình Dương 5

An Giang 3

Đồng Tháp 2

Long An 3

Kiên Giang 4

Tây Ninh 4

Tiền Giang 3

Cà Mau 2

Lâm Đồng 3

Bình Thuận 1

Bình phước 1

Nước ngoài

Lào 1

Campuchia 1

Nga 1

CÔNG TY THÀNH VIÊN

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TẠI 31/12/2015

STT

TÊN CÔNG TY

THÔNG TIN LIÊN HỆ

01



Công ty cổ phần chứng khoán
MB (MBS)

Trụ sở chính: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình,
Hà Nội
Website: www.mbs.com.vn

02



Công ty cổ phần quản lý Quỹ
đầu tư MB (MB Capital)

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình,
Hà Nội
Website: www.mbcapital.com.vn

03



Công ty TNHH Quản lý nợ
và khai thác tài sản
Ngân hàng TMCP Quân đội
(MB AMC)

-Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 Kim Liên,
đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Đống Đa, Hà Nội.
-Website: www.mbamc.com.vn

04



Công ty Cổ phần Địa ốc MB
(MB Land) (*)

-Địa chỉ: Số 6-8, Chùa Bộc, Đống Đa,
Hà Nội.
-Website: www.mbland.vn

05



Công ty TNHH MTV
Vietremax (*)

-Địa chỉ: 259 Trần Hưng Đạo, phường
Cô Giang, Q1, Tp. HCM.
-Website: www.vremax.vn

(*): Sở hữu gián tiếp thông qua các công ty thành viên

**GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG****LĨNH VỰC
KINH DOANH****VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ ĐỒNG)****TỶ LỆ SỞ HỮU
CỦA RIÊNG MB**

12/GPĐC-UBCK ngày
11/06/2014 do UBCKNN
cấp

Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán

1.221,00

79,52%

06/GPĐC-UBCK ngày
12/02/2015 do UBCKNN
cấp

Quản lý quỹ đầu tư

323,79

90,77%

0105281799 ngày
11/07/2014 do Sở Kế
hoạch và Đầu tư thành
phố Hà Nội cấp

Quản lý nợ và khai thác tài sản

1,082.68

100,00%

0102631822 ngày
05/09/2014 do Sở KH&ĐT
Hà Nội cấp

Đầu tư & Kinh doanh bất động sản

653.73

65,29%

ĐKKD số 0304136549
do Sở Kế hoạch & Đầu
tư TP.HCM cấp ngày
09/10/2015

Quản lý trụ sở MB tại Tp.HCM

100.00

100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (MB CAPITAL)



MB Capital hiện có vốn điều lệ là 323,79 tỷ VND (trong đó, MB sở hữu 90,77%), hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư.

MB Capital hiện đang quản lý một quỹ thành viên với đối tác Nhật, hai quỹ mở (một quỹ mở trái phiếu và một quỹ mở cổ phiếu), quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Năm 2015, tổng tài sản MB Capital quản lý đạt 1.423 tỷ VND và là một trong năm công ty quản lý quỹ đầu tư quản lý nhiều quỹ nhất, đối tác giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường trong ngành quản lý tài sản Việt Nam.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MB AMC)



MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ. MBAMC hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực xử lý nợ, quản lý khai thác tài sản và định giá tài sản bảo đảm.

Tính đến hết năm 2015, Công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng về mảng hoạt động kinh doanh lõi, giá trị xử lý nợ trực tiếp tăng trưởng 62% so với năm 2014.

Trong năm 2016, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của MB. Hoạt động xử lý nợ tiếp tục là thế mạnh kinh doanh và được lựa chọn là hoạt động đột phá trong thực thi giải pháp chiến lược của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động khai thác tài sản tiếp tục được phát triển và hoạt động thẩm định giá tài sản bảo đảm được tập trung, đồng thời, vừa mở rộng quy mô vừa nâng cao chất lượng, độ tin cậy và tính chuyên nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC MB (MB LAND)



MBLand được thành lập trên cơ sở phương án khai thác tài sản xử lý nợ của AMC cho MB. Đến thời điểm 31/12/2015 tỷ lệ sở hữu của AMC tại MBLand là 65,29% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chính là kinh doanh bất động sản, quản lý các dự án trụ sở lớn cho MB. Sau 08 năm hình thành và phát triển, MBLand đã dần khẳng định được vị thế, tên tuổi của mình trên thị trường bất động sản. Công ty định hướng phát triển thành đơn vị bất động sản chuyên nghiệp, và nằm trong số những doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hoạt động hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

Năm 2015 với việc trở thành Chủ đầu tư của các dự án bất động sản như dự án Central Point Mỹ Đình, Dự án Swiss Việt – Nha Trang... MBLand đang chuyển dần từ đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản sang nhà đầu tư bất động sản chuyên nghiệp theo đúng chiến lược. Năm 2016, ngoài mục tiêu đẩy mạnh kinh doanh, MBLand chú trọng xây dựng nền tảng quản trị rủi ro nhằm thực thi chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả.

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT R.E.M.A.X



Là một công ty cổ được thành lập với mục tiêu phát triển dự án trụ sở MB tại Khu vực phía Nam. Năm 2015, VRM hoàn thành nhiệm vụ xây dựng trụ sở phía Nam của Ngân hàng, MB đã thực hiện tái cấu trúc vốn chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần thành Công ty TNHH 100% vốn của AMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)



MBS hiện có vốn điều lệ 1.221 tỷ VND (trong đó, MB chiếm tỷ lệ 79,52%), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Được Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) thành lập từ tháng 5 năm 2000, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên ra đời tại Việt Nam.

Mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động trong năm 2015 nhưng MBS vẫn tiếp tục giữ vững vị trí trong Top 5 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn tài chính của MBS cũng khởi sắc, ghi dấu ấn trên thị trường chứng khoán, MBS vinh dự nhận danh hiệu “Công ty chứng khoán nỗ lực trong tư vấn M&A” trong năm 2015.

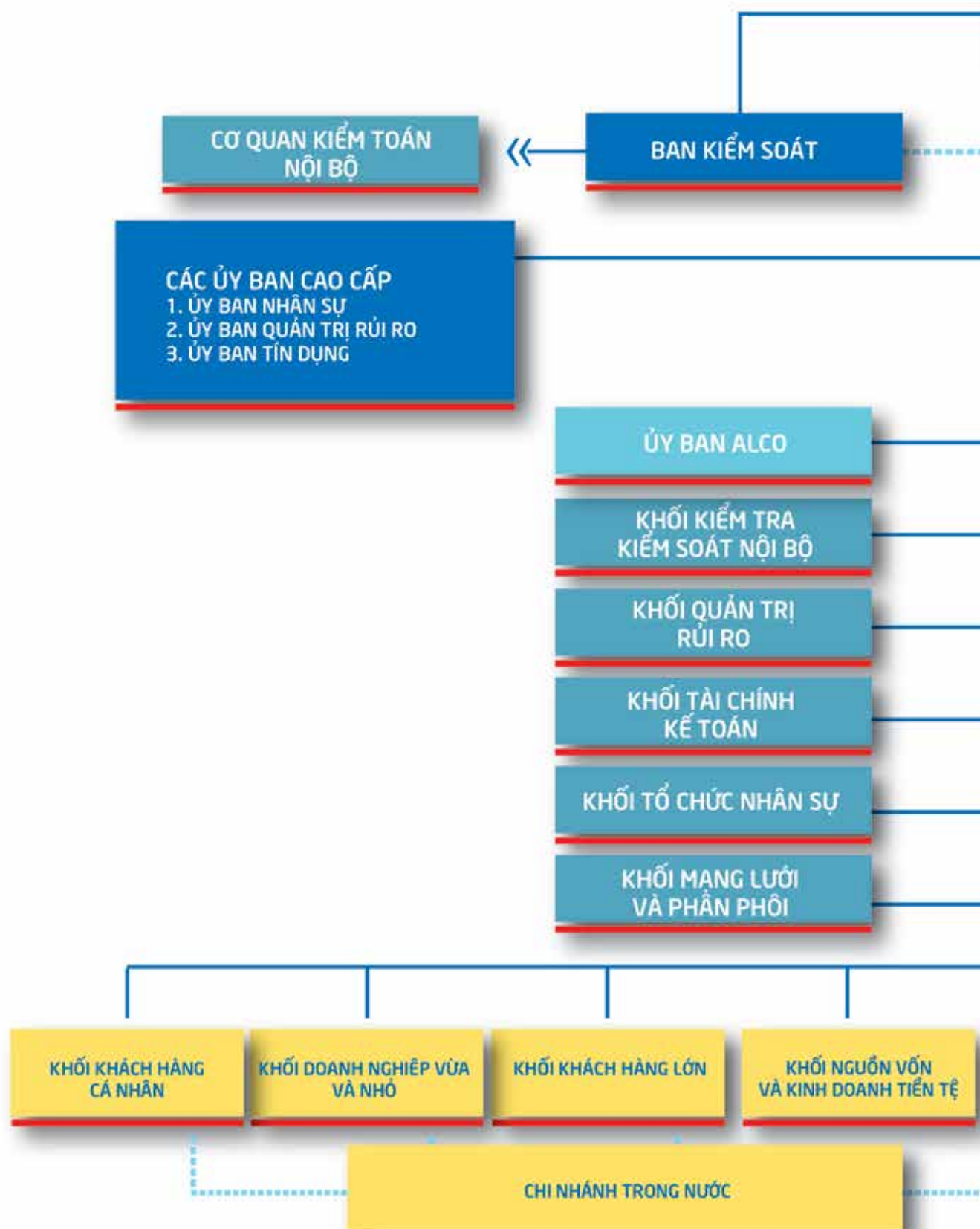
QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN – TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

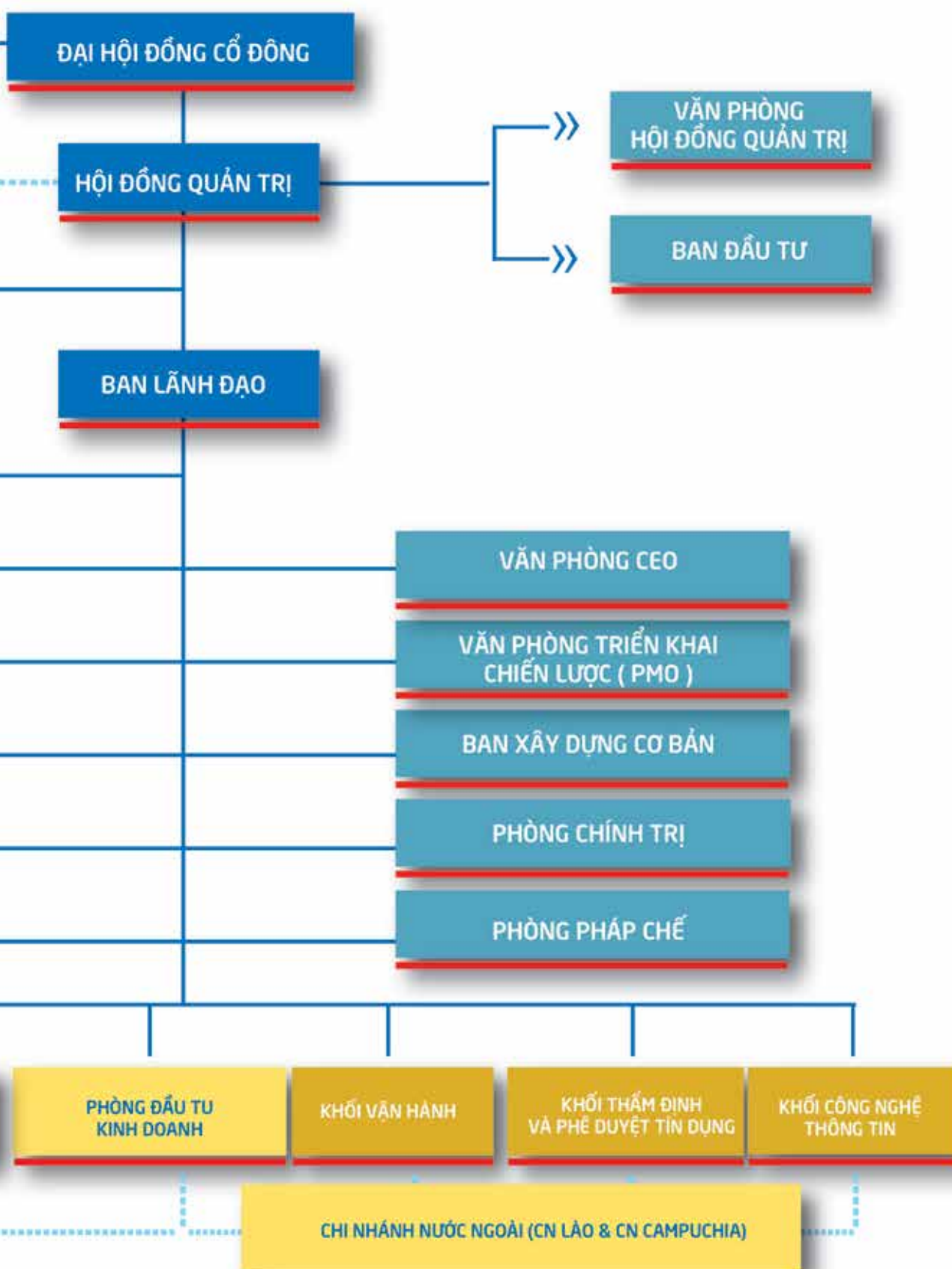
- ▶ Xây dựng chiến lược hoạt động các Công ty thành viên đến năm 2020, gắn kết với chiến lược hoạt động chung của cả Tập đoàn MB Group;
- ▶ Hoàn thành tái cấu trúc bộ máy quản trị, bổ sung và tăng cường nhân lực quản lý điều hành;
- ▶ Triển khai hoạt động quản trị tập đoàn trong các mảng Tài chính, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Mạng lưới, Nhân sự, Truyền thông nhằm củng cố và hỗ trợ toàn diện hoạt động của các Công ty, đảm bảo theo đúng định hướng đã đề ra.
- ▶ Hỗ trợ phát triển các nguồn lực kinh doanh: Nguồn nhân lực, Cơ sở hạ tầng trụ sở, Công nghệ; Thực hiện đầu tư tăng vốn điều lệ, cấp bổ sung Nguồn vốn kinh doanh;
- ▶ Phối hợp chặt chẽ hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, chia sẻ các nguồn lực kinh doanh dùng chung của hệ thống; đẩy mạnh hoạt động bán chéo phát triển dịch vụ của cả MBGroup

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TẬP ĐOÀN

Hiện nay, MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình Tập đoàn (MB Group) với công ty mẹ là Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và các công ty thành viên thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Theo đó, các công ty thành viên tận dụng tối đa lợi thế tập đoàn, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Năm 2016, MBGroup bước đầu cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong tập đoàn; đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các Công ty thành viên trong MBGroup sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung của tập đoàn hướng tới các hoạt động cụ thể như sau:

- ▶ Phát triển đồng bộ các Công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh tập đoàn, theo đó năm 2016 MB sẽ đưa vào hoạt động 02 Công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ (MB Ageas Life) và Công ty tài chính tiêu dùng (MFinance).
- ▶ Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; Tìm kiếm các đối tác chiến lược để phát triển kinh doanh các Công ty, lựa chọn cổ đông chiến lược thực hiện đa sở hữu và tái cơ cấu vốn hiệu quả và tạo giá trị thương hiệu cho các Công ty;
- ▶ Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của tập đoàn.







ÔNG LÊ HỮU ĐỨC

CHỦ TỊCH HĐQT

Thượng tướng Lê Hữu Đức tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch HĐQT MB nhiệm kỳ 2009-2014 từ năm 2011, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông cũng chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty con, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người củng cố bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm “Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội”

Thượng tướng Lê Hữu Đức hiện là Ủy viên BCH Trung ương Đảng Khoá XI; Ủy viên Quân ủy Trung ương; Đại biểu quốc hội Khoá XIII; Ủy viên Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học KTQD, Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông - ĐH Tổng hợp Sydney (Úc), Kỹ sư vô tuyến điện - Học viện thông tin Ulianop (Nga). Ông đã có nhiều năm gắn bó và đóng góp quan trọng vào sự thành công và phát triển của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel). Tham gia HĐQT MB từ năm 2009, Ông Hùng là cầu nối gắn kết giữa MB và Viettel trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ với hàm lượng công nghệ cao. Khuyến khích CBNV phát huy tính sáng tạo, ham học hỏi và luôn đổi mới là yếu tố thành công đã và đang được Ông truyền lại cho MB. Hiện Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel; Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả.



ÔNG LƯU TRUNG THÁI

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Hawaii – Mỹ. Ông Thái đã có 18 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên năm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Hiện ông Lưu Trung Thái là Phó Chủ tịch HĐQT MB; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bưu chính Viettel.

ÔNG LÊ CÔNG

THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 6 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Ngày 04/01/2010, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm đề bạt làm Tổng Giám đốc. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, Ông được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng, năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3. Hiện Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc MB; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Hóa dầu Quân đội.



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG HÀ TIẾN DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Hà Tiến Dũng tốt nghiệp Học viện Gagarin, cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Hà Tiến Dũng có hơn 16 năm ở các cương vị quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam (nay là Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam). Ông đã tham gia Hội đồng Quản trị MB từ năm 2009 và hiện là Tư lệnh binh đoàn 18; Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần địa ốc MB (MB Land); Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hải Âu.



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM
THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Đăng Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Hàng Hải. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quan trọng trong Quân cảng Sài Gòn. Ông Nghiêm đã tham gia Hội đồng Quản trị MB từ năm 2009 và đã có nhiều đóng góp giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa MB và Tân Cảng. Ngoài vai trò Thành viên Hội đồng Quản trị MB, Ông giữ chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Cảng Cát Lái; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tân Cảng Cái Mép.



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp với vai trò Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty 28. Hiện tại, ngoài vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị MB, Ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực miền Trung; Thành viên Hội đồng Quản trị Trường Đại học Công nghiệp Vinh.



**ÔNG
NGUYỄN VĂN HUỆ**
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế Quốc Dân. Ông Huệ đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng như Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Chi Cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp. Với những kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - doanh nghiệp, Ông Huệ đã đóng góp cho MB nhiều ý kiến xây dựng và hỗ trợ MB phát triển các mối quan hệ với các khách hàng, đối tác.



**BÀ
NGUYỄN THỊ NGỌC**
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng HĐQT từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc hiện là Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB (MBCapital).



**BÀ
NGUYỄN THỊ THỦY**
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà được HĐQT MB tín nhiệm giao nhiệm vụ Trưởng Ban trụ bị Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas Life và Chủ tịch Công ty (sau khi Công ty chính thức được thành lập).



**BÀ
TRẦN THỊ KIM THANH**
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Trần Thị Kim Thanh tốt nghiệp Học viện Ngân hàng, Thạc sỹ Kinh tế trường ĐH Ngoại Thương. Bà Thanh là chuyên gia ngân hàng giàu kinh nghiệm. Từ năm 1995 đến nay, bà từng đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank). Bà đã tham gia HĐQT MB từ năm 2011 và thôi giữ chức vụ TV HĐQT MB tháng 10/2015.



BÀ VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB luân chuyển qua nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc PGD, Phó GĐ/GĐ CN lớn nhất của MB (CN Điện Biên Phủ) và Phó Tổng giám đốc. Với vai trò Phó TGD MB, Bà đã thành công trong việc xây dựng tổ chức và chỉ đạo hoạt động các Khối: Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính (giai đoạn 2008 – 2011), Khối Mạng lưới và Phân phối (2011- 2014). Bà đã có đóng góp lớn trong việc thu hút và phát triển khách hàng lớn cho MB, xây dựng Chiến lược phát triển mạng lưới MB gắn phát triển hệ thống mạng lưới hữu hình với các kênh liên kết khác nhằm phát triển các dịch vụ ngân hàng tiên tiến, hiện đại và tiện ích; đào tạo và dẫn dắt nhiều cán bộ quản lý kế cận cho MB. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2014-2019, bà đã trúng cử và trở thành Trưởng ban kiểm soát trẻ nhất của MB kể từ khi thành lập.



BÀ LÊ MINH HỒNG **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Bà Lê Minh Hồng tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Hồng nguyên là thành viên HĐQT độc lập của MB nhiệm kỳ 2009 - 2014. Bà từng là cán bộ ngân hàng và nhiều năm giữ vị trí lãnh đạo cấp vụ của Văn phòng Chính phủ, chuyên về đổi mới doanh nghiệp. Am hiểu về tài chính và doanh nghiệp, trong thời gian là thành viên HĐQT độc lập, bà đã có nhiều đóng góp ý kiến hỗ trợ tích cực cho hoạt động của HĐQT. Hiện, Bà Hồng là thành viên Ban kiểm soát MB, Trưởng Ban kiểm soát Công ty quản lý quỹ đầu tư MB.

BÀ NGUYỄN THANH BÌNH **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Praha, Bà Nguyễn Thanh Bình có 30 năm kinh nghiệm quản lý tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc Phòng. Tại MB, Bà Bình là thành viên Ban Kiểm soát (BKS) MB nhiệm kỳ 2009-2014 và nhiệm kỳ 2014-2019, Trưởng ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán MBS nhiệm kỳ 2008-2013 và 2013-2018. Với vai trò là thành viên BKS, Bà Bình đã hỗ trợ tích cực BKS kiểm tra hoạt động tài chính của MB; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của MB, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và thực trạng tài chính của MB. Hiện Bà Bình là thành viên Ban kiểm soát MB, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán MB.



ÔNG ĐẶNG QUỐC TIẾN **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông Đặng Quốc Tiến là Kỹ sư quân sự; Cử nhân kinh tế - Đại học Ngoại Thương; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Pacific Western. Ông Tiến tham gia MB từ khi viết đề án thành lập Ngân hàng và giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM, PTGD MB phụ trách KV Phía Nam. Ông Tiến đã có những đóng góp tích cực cho MB nói chung và MB khu vực Phía Nam trong việc xây dựng thành công các mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng lớn, các cơ quan quản lý nhà nước tại địa bàn.



● THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ CÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 6 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Ngày 04/01/2010, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm để bắt làm Tổng Giám đốc. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, Ông được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng. Năm 2014, Ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3. Hiện Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc MB; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Hóa dầu Quân đội.



ÔNG ĐỖ VĂN HƯNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Hưng là cử nhân ngành Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và từng nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Phụ trách Khối Hỗ trợ kinh doanh. Hiện nay, Ông Hưng là Phó Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy Ngân hàng Quân đội.



ÔNG LÊ HẢI **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Lê Hải tốt nghiệp cử nhân khoa ngân hàng-tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân, thạc sỹ Học viện tài chính, và hiện là nghiên cứu sinh khóa 1 khoa Ngân hàng tài chính - Học viện Hậu Cần. Gia nhập từ năm 1998, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại ngân hàng như Giám đốc chi nhánh Việt Trì, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ, quyền giám đốc khối SME, giám đốc khối Khách hàng cá nhân. Với những đóng góp quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu khách hàng cá nhân trong hoạt động kinh doanh của MB, từ ngày 02/08/2013, ông Lê Hải chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách một số mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ lớn tại ngân hàng.

BÀ PHẠM THỊ TRUNG HÀ **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Tài chính Ngân hàng, Bà Hà có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Với những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển chung của MB trong thời gian qua, từ tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc quản lý trực tiếp Khối kiểm tra - Kiểm soát nội bộ và Khối quản trị rủi ro. Hiện nay Bà là chủ tịch Hội đồng quản trị MB AMC.



ÔNG LÊ QUỐC MINH **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hoàn thành thạc sỹ trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Gia nhập MB từ năm 2006 với vị trí phó phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Sở Giao dịch. Trong suốt quá trình công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính; Giám đốc khối khách hàng lớn. Từ ngày 26/11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG HÀ TRỌNG KHIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh của trường Đại học KHXH và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong gần 20 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực phía Nam. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh doanh của MB khu vực phía Nam. Từ ngày 26/11/2015, ông Hà Trọng Khiêm chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực phía Nam.



BÀ NGUYỄN MINH CHÂU PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine của Pháp và Trường Cao học Quản lý Kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.



BÀ NGUYỄN THỊ AN BÌNH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế, bà Bình có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề kiểm soát nội bộ. Bà có nhiều năm liên hoạt động trong lĩnh vực này và giữ nhiều chức vụ quan trọng tại MB như Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ, Giám đốc Khối Kiểm soát nội bộ. Dưới sự dẫn dắt của Bà, Khối Kiểm soát nội bộ đã đạt những danh hiệu xuất sắc tại MB và vinh dự được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen năm 2009. Hiện nay, Bà là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối vận hành của MB.





ÔNG TRẦN MINH ĐẠT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân và nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của MB phụ trách công tác thẩm định và phê duyệt tín dụng toàn hệ thống, đồng thời chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của Khối Thẩm định.

BÀ LÊ THỊ LỢI

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB. Tại chi nhánh Điện Biên Phủ bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trưởng phòng tài chính kế toán, Phó Giám đốc và đã góp phần đưa chi nhánh này trở thành đơn vị dẫn đầu trong toàn hệ thống MB. Năm 2009, Bà chuyển sang công tác tại Hội sở với vị trí Phó Giám đốc tài chính. Tháng 6/2014, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính MB.

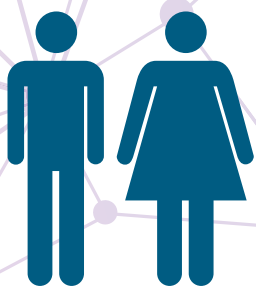


ÔNG ƯƠNG ĐÔNG HUNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

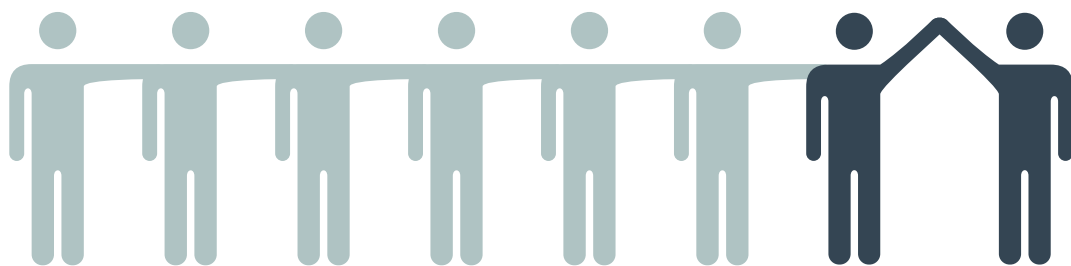
Ông Ưông Đông Hưng là một trong những Lãnh đạo trẻ đã trưởng thành từ môi trường của MB. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các nhánh trong hệ thống MB như Phó Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Giám đốc Chi nhánh Trần Duy Hưng và Giám đốc Sở Giao dịch 1. Từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2013, ông giữ vị trí Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Miền Trung Tây Nguyên - Kiểm Giám đốc MB Sở giao dịch 1. Từ 02/08/2013, Ông được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



TUỔI ĐỜI
BÌNH
QUÂN

29 tuổi



THU NHẬP
BÌNH QUÂN/
NGƯỜI
NĂM 2015

18,201,738VND/người



6,876
người

NHÂN SỰ
THỜI ĐIỂM
31/12/2015



8,42%
(579/6876)

người
CÁO ĐẲNG
TRỞ XUỐNG



91.58%
(6297/6876)

người
ĐẠI HỌC &
TRÊN ĐẠI HỌC

(*) Theo báo cáo tài chính riêng lẻ 2015

Lương và chính sách đãi ngộ :

Ngoài mức tiền lương, phụ cấp và các khoản hỗ trợ khác được chi trả hàng tháng, MB còn có các kỳ lương bổ sung định kỳ vào các ngày lễ tết, thưởng cho các tập thể/cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến, đóng góp giá trị cho Ngân hàng, chế độ cổ phiếu mua ưu đãi. Nhằm động viên, quan tâm, gắn kết mỗi cá nhân CBNV với Ngân hàng, tại MB đang áp dụng một số chế độ đãi ngộ dành cho CBNV và gia đình như sau: tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho gia đình nhân dịp tết Nguyên đán, chi giao lưu giữa CBNV trong đơn vị, chế độ bảo hiểm sức khỏe kết hợp cho cá nhân

Công tác đào tạo:

Đặc biệt chú trọng công tác đào tạo bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên để từ đó đáp ứng tốt nhất nhu cầu hoạt động ngân hàng, định hướng phát triển kinh doanh của ngân hàng.

Ngoài các khóa đào tạo của hệ thống đã được quy chuẩn theo khung chức danh, cán bộ nhân viên còn tham dự các khóa đào tạo nội bộ tại đơn vị, hoặc được hỗ trợ đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các trường/ học viện bên ngoài. MB còn chủ động thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo bổ sung nâng cao kiến thức cho người lao động để hoàn thành tốt công việc hoặc phát triển trong tương lai.

Chế độ chính sách:

Cán bộ nhân viên MB được hưởng các chế độ: BHXH, BHYT, BHTN, chế độ làm việc, nghỉ lễ tết, gia nhập công đoàn ... theo quy định hiện hành. Hàng năm, người lao động đều được hưởng các chế độ phúc lợi khác: khám sức khỏe định kỳ, đi thăm quan, nghỉ mát, được hưởng trợ cấp khi đau ốm...

10 DẤU ẤN QUAN TRỌNG CỦA MB NĂM 2015

ĐÓN NHẬN DANH HIỆU

“ANH HÙNG LAO ĐỘNG” Ngày 24/12/2015, MB đã vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh giai đoạn 2005 – 2014. Năm 2015 cũng là năm MB đón nhận được nhiều danh hiệu cao quý do Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng, NHNN trao tặng.

01

GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU TRONG NHÓM NHTMCP VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2015, MB đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trong nhóm các ngân hàng thương mại không có cổ phần nhà nước chi phối. Cụ thể, tổng tài sản đạt 221.042 tỷ đồng; LNTT đạt 3.221 tỷ đồng (LNTT riêng ngân hàng đạt 3.151 tỷ đồng); ROA và ROE lần lượt là 1.2% và 13.3%; nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ ở mức 1,62%.

02

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 16.000 TỶ ĐỒNG

Được sự đồng thuận của cổ đông và Ngân hàng Nhà nước, năm 2015, MB đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ đồng. Điều này góp phần giúp MB tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Mặt khác, năm 2015, vốn chủ sở hữu của MB cũng tăng lên 35%, đạt 23.183 tỷ đồng.

03

TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG GIAI ĐOẠN CHIẾN LƯỢC 2011 - 2015

Khép lại giai đoạn 2011 – 2015, MB đã chủ động, sáng tạo triển khai 22 giải pháp sáng kiến chiến lược, đưa MB trở thành điểm sáng trên thị trường tài chính, vượt qua các đối thủ lớn trong ngành để nằm trong nhóm ngân hàng thương mại Việt Nam có hoạt động an toàn, hiệu quả.

04

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HAI SỰ KIỆN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tại ĐHCĐ thường niên, cổ đông MB đã thông qua các phương án kinh doanh năm 2015 và phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ đồng. Tháng 10/2015, sự kiện ĐHCĐ bất thường được tổ chức với việc xin sáp nhập công ty tài chính cổ phần Sông Đà (SDFC) vào MB nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, hoàn thiện mô hình tập đoàn tài chính đa năng.

05

CÔNG NGHỆ TIẾN PHONG

Năm 2015, với khả năng làm chủ công nghệ đã giúp MB cung cấp ngày càng nhiều các sản phẩm và dịch vụ thuận tiện tới khách hàng, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ cao trên kênh viễn thông giúp MB trở thành Ngân hàng đứng đầu về chất lượng dịch vụ MobileBanking với hơn 3 triệu khách hàng hiện hữu với hơn 1,5 triệu giao dịch hàng tháng

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ MB LẦN V

Với sứ mệnh “vì sự phát triển của đất nước, vì lợi ích của khách hàng” công tác Đảng, công tác Chính trị của MB luôn song hành với hoạt động kinh doanh. Năm 2015, MB đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ MB lần thứ V với chủ đề “Đổi mới, sáng tạo, chuyên nghiệp, hiệu quả”. Đây cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị của MB cùng nhiều phong trào thi đua trong quản lý và kinh doanh được tổ chức.

06

TÁI CƠ CẤU THÀNH CÔNG CÁC CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON

Chương trình tái cơ cấu các chi nhánh và công ty con đạt kết quả tốt với 100% chi nhánh có lợi nhuận. Mô hình tập đoàn tài chính đa năng cũng được kiện toàn. Các Công ty đều giữ được vị thế trong ngành. MB cũng thành lập thêm 2 công ty mới là MB Life và MFinance theo các cam kết với ĐHCĐ.

07

MỞ RỘNG THI TRƯỜNG VỀ PHÍA NAM VÀ MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

KVPN & Miền Trung – Tây Nguyên đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh. KVPN hoàn thành 110% kế hoạch lợi nhuận; tỷ lệ nợ xấu dưới 1.5%; thành lập Trung tâm kinh doanh SME và Trung tâm Đào tạo 2, góp phần nâng cao năng lực quản lý trực tiếp, giải quyết kịp thời các nhu cầu về kinh doanh và đặc thù vùng miền. KVMT&TN hoàn thành 140% kế hoạch năm, lợi nhuận tăng gấp 8 lần so với năm 2014, nằm trong top 3 các ngân hàng TMCP trên địa bàn.

08

09

10

CHẤT LƯỢNG DẪN ĐẦU

- + Chỉ số hài lòng của khách hàng nằm trong top đầu thị trường theo đánh giá của Nielsen. Trong đó, yếu tố con người, sự tận tâm và chuyên nghiệp được khách hàng đánh giá cao.
- + Ngân hàng có năng lực QTRR tốt, được FITCH xếp hạng B với triển vọng ổn định
- + Ngân hàng đầu tiên thực hiện phân bổ chi phí toàn diện theo thông lệ quốc tế.
- + Ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống quản lý quy trình trọn vẹn hướng đến khách hàng

GIẢI THƯỞNG, THÀNH TÍCH 2015

1 ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Năm 2015, MB là tổ chức tín dụng duy nhất được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động nhằm ghi nhận những thành tích đặc biệt xuất sắc trong giai đoạn 2005 – 2014. Đây không chỉ là niềm vinh dự, tự hào của CBNV MB các thời kỳ mà còn là động lực, trách nhiệm lớn lao của thế hệ sau để gìn giữ, phát huy truyền thống cũng như sức mạnh đoàn kết, vươn tới những thành công mới.



2 CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ

MB vinh dự được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Cờ thi đua vì những thành tích xuất sắc đã đạt được năm 2014.

3 CỜ THI ĐUA CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

MB vinh dự được Bộ Quốc Phòng tặng Cờ thi đua vì những thành tích xuất sắc đã đạt được năm 2015.

4 CỜ THI ĐUA CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

MB vinh dự được Ngân hàng Nhà nước tặng Cờ thi đua vì những thành tích xuất sắc đã đạt được năm 2014.

5

CHIẾN SỸ THI ĐUA NGÀNH NGÂN HÀNG

Thiếu Tướng, Tiến sỹ Lê Công – Tổng Giám Đốc ngân hàng TMCP Quân đội vinh dự được trao danh hiệu Chiến sỹ Thi đua ngành Ngân hàng giai đoạn 2012 - 2014

6

BẰNG KHEN CỦA THỐNG ĐỐC NHNN VIỆT NAM

MB vinh dự được Thống đốc NHNN Việt Nam tặng bằng khen cho 12 tập thể và 12 cá nhân vì những thành tích xuất sắc năm 2013-2014

7

BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG CHO TẬP THỂ NHỎ “ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011-2015”

MB là 1 trong những đơn vị đi đầu trong việc thực hiện cải cách hành chính và đã được Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng công nhận, tặng bằng khen cho giai đoạn 2011-2015

8

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

MB tự hào được tôn vinh là thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

9

DANH HIỆU DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC ASEAN 2015

Danh hiệu này do Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam và Trung tâm dịch vụ đối ngoại, Bộ Ngoại giao Việt Nam phối hợp với Bộ Công thương Campuchia, Thái Lan, Lào, Hội chất lượng châu Á ... tổ chức và trao tặng.





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH 2016

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2015, kinh tế thế giới diễn biến rất phức tạp ảnh hưởng không thuận lợi tới kinh tế trong nước. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, giá dầu giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong vòng 6 năm. Thị trường tài chính quốc tế biến động đột biến trước động thái điều chỉnh giảm giá mạnh đồng nhân dân tệ cùng với quyết định tăng lãi suất của FED đã có những tác động đến thị trường trong nước.

Kinh tế trong nước đạt được một số kết quả tích cực. Tăng trưởng GDP ~6,68 %. Lạm phát kiểm soát tốt (CPI bình quân tăng 0,63%). Chính sách tiền tệ điều hành chặt chẽ, ổn định. Tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt ~18%. Thanh khoản hệ thống ngân hàng an toàn. Tỷ giá, thị trường ngoại hối được điều chỉnh hợp lý phù hợp với tình hình quốc tế. Nợ xấu toàn ngành được tập trung xử lý quyết liệt đưa về mức ~ 2.72%, cải thiện tích cực so với đầu năm 2015. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, kinh tế nước ta còn tồn tại những khó khăn, thách thức không nhỏ. Các doanh nghiệp phục hồi chậm, nợ xấu của các doanh nghiệp, nợ xấu toàn ngành ngân hàng vẫn ở mức cao. Nợ công tăng cao (62,2%) và bội chi ngân sách lớn (6,1%). Thị trường BĐS, chứng khoán, bảo hiểm còn khó

khăn. Chính phủ vẫn đang tiếp tục tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu đầu tư công và tiếp tục tái cơ cấu các ngân hàng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

NH TMCP Quân đội đã triển khai kế hoạch năm 2015 với phương châm **"Tái cơ cấu, phát triển bền vững"**.

Kết thúc năm 2015, NH TMCP Quân đội đã hoàn thành toàn diện các mục tiêu đề ra. Hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011-2015, triển khai đồng bộ 22 sáng kiến chiến lược ứng dụng trong thực tiễn kinh doanh, quản lý, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ các mặt hoạt động của ngân hàng. Hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu. Quyết liệt tái cơ cấu, xử lý nợ xấu, hoàn thành sớm và vượt các mục tiêu đã đề ra từ đầu năm. Chuyển đổi toàn diện NH theo mô hình quản lý tập trung, từ đó, tăng chất lượng quản trị và khả năng cạnh tranh. Chính trị nội bộ được duy trì ổn định, Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, các tổ chức quần chúng vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện. Giữ vững đoàn kết nội bộ. Tổ chức thành công đại hội Đảng các cấp trong MB. Uy tín của NH Quân đội được nâng cao.

1. KẾT QUẢ THỰC THI CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Hoàn thành xuất sắc các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011 – 2015, tạo lập năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Duy trì vững chắc vị thế top 5 các NHTM về lợi nhuận, hiệu quả hoạt động.

Sau 5 năm thực thi chiến lược, các chỉ tiêu quy mô, chất lượng, hiệu quả của MBGroup hầu hết tăng gấp đôi và tăng trưởng liên tục bền vững qua các năm. Tổng Tài sản tăng 2,02 lần (từ 109.623 tỷ đồng lên 221.042 tỷ đồng). Lợi nhuận MB Group tăng gần 1,5 lần (từ 2.288 tỷ đồng lên 3.221 tỷ đồng), tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu hệ thống các NHTMCP Việt Nam về Lợi nhuận và các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động (ROA, ROE, Lợi nhuận/người, Lợi nhuận/ điểm kinh doanh). Nhân sự trên 7.800 người (cuối 2010 là trên 4000 người); Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới mức 2%. Hệ thống mạng lưới đạt 253 điểm giao dịch (so với 140 điểm cuối 2010) trong đó bao gồm 02 chi nhánh nước ngoài tại Lào, Campuchia. Hệ thống trụ sở được đầu tư phát triển tại các tỉnh thành phố lớn, đặc biệt với sự hiện diện của các tòa nhà lớn tại Hà Nội (trụ sở 21 Cát Linh), HCM (trụ sở Sunny Tower) đã khẳng định uy tín thương hiệu, hình ảnh của MBGroup. Vốn điều lệ đạt 16.000 tỷ (gấp hơn 2 lần so với 2010: 7.300 tỷ), với sự tham gia của nhiều cổ đông lớn và uy tín trong và ngoài Quân đội. Chất lượng phát triển duy trì bền vững. Quản lý chi phí hiệu quả. Đảm bảo mức chia cổ tức $\geq 10\%$ trong nhiều năm.

Thực hiện tốt định hướng chiến lược xây dựng ngân hàng thuận tiện. Hoàn thành các mục tiêu của 22 sáng kiến chiến lược.

Triển khai tích cực chiến lược phát triển khu vực phía Nam, miền Trung Tây Nguyên.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KQ 2014	KH 2015	KQ 2015	sv 2014	sv KH
1	Tổng tài sản	200,489	216,000	221,042	110.3%	102.3%
2	Vốn điều lệ	11,594	16,000	16,000	138.0%	100.0%
3	Huy động vốn	167,941	181,000	181,751	108.2%	100.4%
4	Dư nợ cho vay	100,571	115,500	120,308	119.6%	104.2%
5	Tỷ lệ nợ xấu	2.73%	< 3%	1.62%		
6	LNTT	3,174	3,250	3,221	101.5%	99.1%
	Trong đó: LNTT của ngân hàng	3,003	3,150	3,151	104.9%	100.0%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10%	10%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất, riêng lẻ năm 2015

- Tổng tài sản đạt 221.042 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3%, vượt 2,3% kế hoạch.
- Huy động vốn đạt 181.751 tỷ đồng, tăng 8,2% so với 2014, đạt 100.4% kế hoạch.
- Dư nợ đạt 120.308 tỷ, tăng 19,6% so với 2014, đạt 104,2% kế hoạch.
- Đảm bảo chất lượng tín dụng, TLNX còn 1,62% vào cuối năm 2015.
- Phát triển mạng lưới 253 điểm giao dịch được cấp phép, tăng 29 ĐGD so với năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế toàn MB Group đạt 3.221 tỷ, trong đó lợi nhuận riêng ngân hàng đạt 3.151 tỷ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Các công ty thành viên của MBGroup đã tích cực triển khai hoạt động kinh doanh theo chiến lược của từng công ty. Tổng lợi nhuận trước thuế các công ty thành viên năm 2015 ước đạt ~161 tỷ cụ thể:

- + Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB (MBCapital): LNTT đạt 41,5 tỷ, tăng 33,8 % so với 2014, được đánh giá Top 5 các công ty quản lý quỹ hoạt động hiệu quả nhất thị trường;
- + Công ty cổ phần chứng khoán MBS LNTT đạt 9,4 tỷ, đứng Top 5 các CTCK về thị phần môi giới.
- + Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC): LNTT đạt 9,8 tỷ. Kien toàn tổ chức với 3 mảng hoạt động xử lý nợ, định giá tài sản và quản lý-khai thác tài sản;
- + Công ty cổ phần địa ốc MB (MB Land): LNTT đạt 48,4 tỷ.
- + Công ty cổ phần bảo hiểm Quân đội (MIC): LNTT đạt 50,1 tỷ.
- + Công ty VietRemax với LNTT ước đạt ~1,4 tỷ.

3. CHUYỂN ĐỔI NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG, TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG, NÂNG TẦM QUẢN LÝ HỆ THỐNG THEO MỤC TIÊU 5 CHỮ C.

CHIẾN LƯỢC

CON NGƯỜI

CHẤT LƯỢNG

CÔNG NGHỆ

CÔNG TÁC ĐẢNG,
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ



CHIẾN LƯỢC

- Tổ chức chuyển đổi tư duy, phương thức quản lý phù hợp với chuyển đổi chiến lược.
- Triển khai cụ thể hóa các sáng kiến chiến lược vào thực tiễn hoạt động.
- Đẩy mạnh phát triển kinh doanh khu vực Miền Trung và Miền Nam.

CON NGƯỜI

- Phát triển số lượng, chất lượng nhân sự toàn hệ thống. Tổng nhân sự MB Group đạt ~7.800 người, tăng ~900 người so với 2014. Nhân sự riêng ngân hàng đạt ~6.900 người.
- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng TOP 50, TOP 500
- Thực hiện quản trị thành tích, quản trị nhân tài. Xây dựng cơ chế lương, đãi ngộ gắn với hiệu quả và năng suất lao động.

CHẤT LƯỢNG

- Cải tiến không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện, thực hiện quản lý chất lượng theo ISO, 5S, SLA, kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Cải cách hành chính mạnh mẽ, đơn giản quy trình thủ tục, tăng tiện ích phục vụ khách hàng.
- Tập trung hóa thẩm định tín dụng, phê duyệt tín dụng, vận hành và hỗ trợ từ đó đã chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Tăng chất lượng phục vụ khách hàng.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn.

CÔNG NGHỆ

- Tăng cường bảo mật, an toàn hệ thống CNTT theo tiêu chuẩn ISO 27001, PCI DSS.
- Đầu tư tăng năng lực công nghệ, an ninh hệ thống CNTT, xây dựng hệ thống dự phòng công nghệ có chất lượng.
- Các dự án chiến lược tự động hóa quy trình vận hành (BPM), F2B, DW/BI, hạ tầng ngân hàng giao dịch cho KHDN/KHCN, Basel 2, eMB...
- Xây dựng năng lực quản trị CNTT tập đoàn, chuyển giao công cụ hỗ trợ tăng năng lực công nghệ của các công ty thành viên.

CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

- Giữ vững ổn định chính trị. Tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh, các tổ chức quần chúng vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện. Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Ngân hàng lần thứ V.
- Không ngừng xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng với 5 Đảng bộ cơ sở, 1 Đảng bộ bộ phận, 38 chi bộ cơ sở và 79 chi bộ trực thuộc và gần 1.500 đảng viên.
- Tích cực tham gia các chương trình từ thiện xã hội với số tiền là ~40 tỷ đồng: tổ chức chuyến đi “Về nguồn lần thứ 10” cho 90 CBNV tiêu biểu, chương trình “Ngôi nhà 100 đồng”, tài trợ chương trình “Bò giống cho người nghèo biên giới”, hỗ trợ kinh phí cho Hội nạn nhân chất độc da cam, Công trình công viên đại tướng Võ Nguyên Giáp – Trường Sa, v.v.... Phát động các phong trào thi đua chào mừng 85 năm ngày thành lập Đảng, 40 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 70 năm thành lập nước.

ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH NĂM 2015

1. ƯU ĐIỂM

- Tạo lập vị thế, uy tín cao của NH Quân đội trên thị trường. Hoạt động an toàn, hiệu quả bền vững, nâng cao năng lực toàn diện. Được Đảng, Nhà nước, Chính phủ trực tiếp là Bộ Quốc phòng, NHNN đánh giá cao.
- Hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011 – 2015.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu và tăng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ.
- Hoàn thành cơ bản các mục tiêu tái cơ cấu.
- Tăng năng lực quản trị tập đoàn: kiện toàn cơ cấu quản trị, hoạt động công ty con, tăng năng lực quản trị rủi ro, quản trị CNTT, bán chéo trong tập đoàn.
- Duy trì ổn định chính trị nội bộ. Đảng bộ trong sạch vững mạnh, các tổ chức quần chúng vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện.

2. HẠN CHẾ

- Cần tiếp tục tăng năng lực số hóa các hoạt động của ngân hàng.
- Hiệu quả hoạt động chưa đồng đều giữa các vùng, chi nhánh, công ty con.

3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Tuân thủ các quy định pháp luật, chủ trương của Chính phủ, của NHNN và Bộ quốc phòng liên quan đến hoạt động ngân hàng.
- Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, và toàn ngân hàng về các chủ trương, định hướng lớn phát triển ngân hàng.
- Quyết tâm kiên định và chủ động sáng tạo, vượt qua khó khăn khi thực hiện chiến lược.
- Tập trung lãnh đạo giữ vững ổn định Chính trị, bản lĩnh Chính trị, phát huy các giá trị văn hóa doanh nghiệp. Lãnh đạo công tác Đảng, công tác Chính trị, công tác quần chúng hướng vào hoàn thành nhiệm vụ Chính trị trọng tâm.



Năm 2015, MB đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra, tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu hệ thống các NHTMCP Việt nam về lợi nhuận, các chỉ số ROA, ROE, lợi nhuận/người. Uy tín và vị thế của Ngân hàng không ngừng được nâng cao. Tích cực tham gia các chương trình đóng góp từ thiện cho xã hội. Chính trị được giữ vững, ổn định, văn hóa doanh nghiệp được duy trì tốt. Năm 2015 NH Quân đội vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Đây là phần thưởng cao quý đánh giá sự nỗ lực và trưởng thành vượt bậc của CBNV luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm qua.

SỐ LIỆU HỢP NHẤT

Bảng một số chỉ số tài chính trong 5 năm gần nhất

	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	Tỷ đồng	138,831	175,610	180,381	200,489	221,042
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	9,642	12,864	15,148	17,148	23,183
Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	73	10	11,256	11,594	16,000
Tiền gửi của TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	89,549	117,747	136,089	167,609	181,565
Tổng dư nợ cho vay	Tỷ đồng	59,045	74,479	87,743	100,569	121,349
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	5,222	6,664	6,124	7,036	7,319
Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	5,147	7,813	7,659	8,307	8,772
Tổng chi phí hoạt động	Tỷ đồng	1,881	2,697	2,746	3,114	3,449
Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng	Tỷ đồng	3,266	5,117	4,914	5,193	5,323
Chi phí dự phòng rủi ro	Tỷ đồng	641	2,027	1,892	2,019	2,102
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,625	3,090	3,022	3,174	3,221
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,915	2,320	2,286	2,503	2,512
ROE (LNST/VCSH bình quân)	%	20.7	20.6	16.3	15.8	13.3
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)	%	1.5	1.5	1.3	1.3	1.2
Điểm giao dịch (*)	Số ĐGD	178	183	209	224	253
Số cán bộ nhân viên (ngân hàng và công ty con)	Người	5,098	5,806	6,128	6,939	7,810
EPS	Đồng/cổ phiếu	2,913	2,457	2,145	2,073	1,902

(*) Tính riêng ngân hàng

■ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.221 tỷ đồng
↑1,5% so với năm 2014.

■ TỔNG DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

121.349 tỷ đồng
↑21% so với năm 2014.

■ TỔNG HUY ĐỘNG VỐN
(DÂN CƯ & TCKT)

181.565 tỷ đồng
↑8% so với năm 2014.

■ EPS

1.902 đồng/cổ phiếu

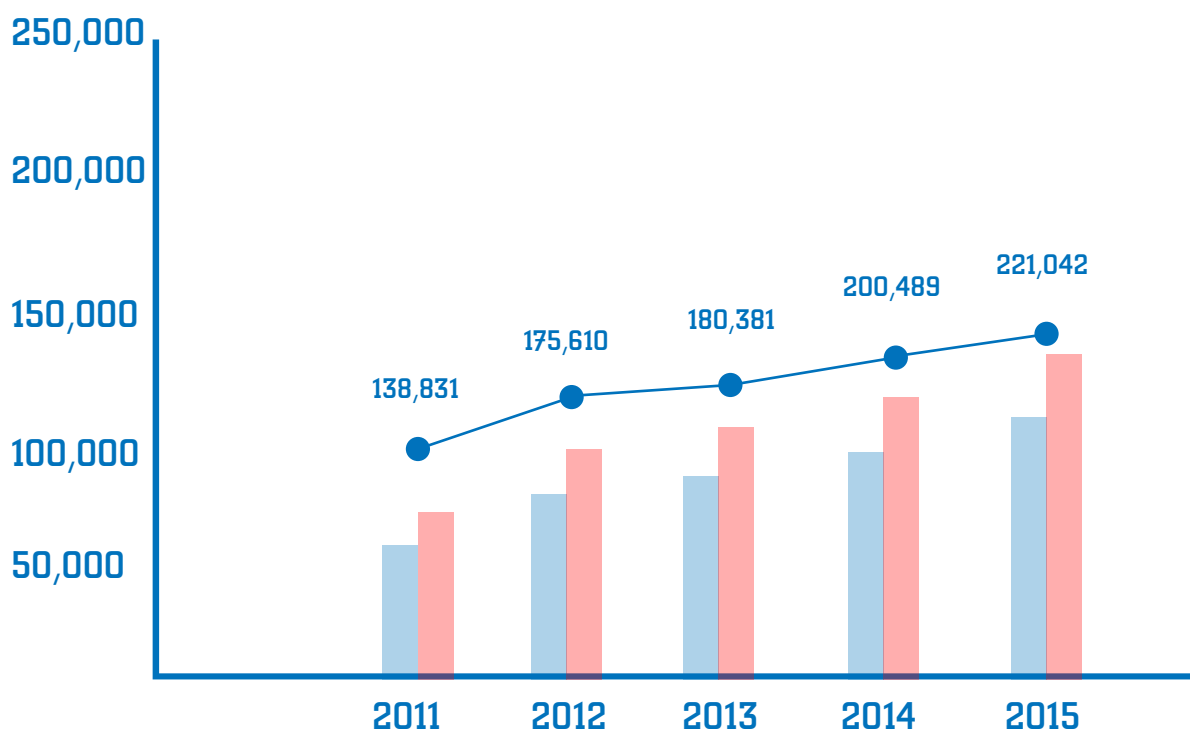
■ ROA

1,2%

■ ROE

13,3%

TỔNG TÀI SẢN



ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP NĂM 2016

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2016, tình hình kinh tế tài chính thế giới dự kiến tiếp tục diễn biến phức tạp hơn. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu mặc dù có sự cải thiện nhưng còn thiếu chắc chắn. Lạm phát thế giới dự báo tiếp tục ở mức thấp, giá dầu có thể giảm mạnh. Thị trường tài chính quốc tế sẽ có những thay đổi căn bản với việc Mỹ bắt đầu chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ, Trung Quốc thực thi chính sách đồng Nhân dân tệ yếu để hỗ trợ tăng trưởng đồng thời đẩy nhanh tự do hóa tỷ giá.

Kinh tế trong nước bước vào năm đầu của nhiệm kỳ 2016-2020, với đặc điểm hội nhập sâu và chịu tác động từ hội nhập TPP, cộng đồng kinh tế AEC. NHNN thực thi CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (< 5%). Ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế hợp lý (khoảng 6.7%). Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%. Dự nợ tín dụng tăng từ 18-20% so với năm 2015. NHNN sẽ thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng để tiếp tục hạn chế tình trạng đô la hóa, vàng hóa trong nền kinh tế. Tiếp tục quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng.

ĐỊNH HƯỚNG

Định hướng 2016 là: **“Tăng cường đầu tư nguồn lực, phát triển bền vững”**.

MỤC TIÊU NĂM 2016:

- ➔ **1. Xây dựng và triển khai chiến lược 2016-2020** đồng thời hoàn thiện và làm sâu sắc các giải pháp chiến lược 2011-2015 theo hướng xây dựng ngân hàng thuận tiện.
- ➔ **2. Hoàn thành kế hoạch 2016** với các chỉ tiêu chủ yếu.
- ➔ **3. Tăng năng lực kinh doanh theo mô hình tập đoàn:** tăng năng lực kinh doanh của các công ty con, triển khai thành lập và đưa vào hoạt động Công ty bảo hiểm nhân thọ (MB Life) và Công ty tài chính tiêu dùng (MB Finance).
- ➔ **4. Tăng cường đầu tư nguồn lực, chuyển đổi năng lực kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh.** Giữ ổn định chính trị, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện.

TT	Chỉ tiêu	KH 2016
1	Tổng tài sản	Tăng 10 – 12%
2	Vốn điều lệ	~ 17.100 tỷ
3	Huy động vốn dân cư, TCKT	Tăng~ 8 - 10%
4	Dư nợ cho vay	Tăng ~ 20%
5	Tỷ lệ nợ xấu	< 2%
6	LNTT LNTT (của riêng ngân hàng)	3.611 3.550
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	~10%

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

GIẢI PHÁP KINH DOANH

- Xây dựng chiến lược 2016-2020 trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện và làm sâu sắc các nội dung chiến lược 2011-2015. Xây dựng và bổ sung vào chiến lược giai đoạn 2016 – 2020.
- Tiếp tục đổi mới phương thức điều hành kinh doanh: tạo lập chuỗi dây chuyền kinh doanh, thẩm định, vận hành theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa. Phối hợp đồng bộ toàn ngân hàng theo mô hình tập trung.
- Tổ chức kinh doanh toàn diện: hoạt động tín dụng, phi tín dụng, dịch vụ. Xây dựng các giải pháp kinh doanh sáng tạo, đổi mới, khác biệt.
- Đẩy mạnh phát triển 02 năng lực cốt lõi.
- Phát triển các nội dung kinh doanh mới.
- Nghiên cứu xu thế hội nhập và chủ động đón đầu xu thế hội nhập.
- Quản lý chặt chẽ chất lượng tín dụng.

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- Hoàn thiện mô hình quản lý phù hợp với chuyển đổi chiến lược.
- Phát triển về qui mô nhân sự phù hợp. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa. Thực hiện tốt quản trị thành tích.
- Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực của Ngân hàng.
- Đầu tư tăng năng lực Quản trị rủi ro. Triển khai chỉ đạo của NHNN về áp dụng QTRR theo Basel II.
- Hoàn thiện mô hình KSNB theo thông lệ tốt.
- Không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động ngân hàng, lấy khách hàng làm trung tâm. Cải tiến qui trình toàn diện, tăng tiện ích cho khách hàng
- Phát triển mạng lưới kênh phân phối đa dạng, hiệu quả (kênh vật lý, kênh điện tử: ATM, POS; kênh liên kết), thực hiện tốt chiến lược bán lẻ.
- Tiếp tục xây văn hóa thực thi nhanh, xây dựng con người mới, phát huy năng lực của tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng, công đoàn, thanh niên, hội phụ nữ. Qua đó xây dựng tinh thần đoàn kết, kỷ luật, duy trì, phát huy sức mạnh chung của tập thể.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Báo cáo đánh giá của HĐQT

- Báo cáo quản trị - Quản trị doanh nghiệp

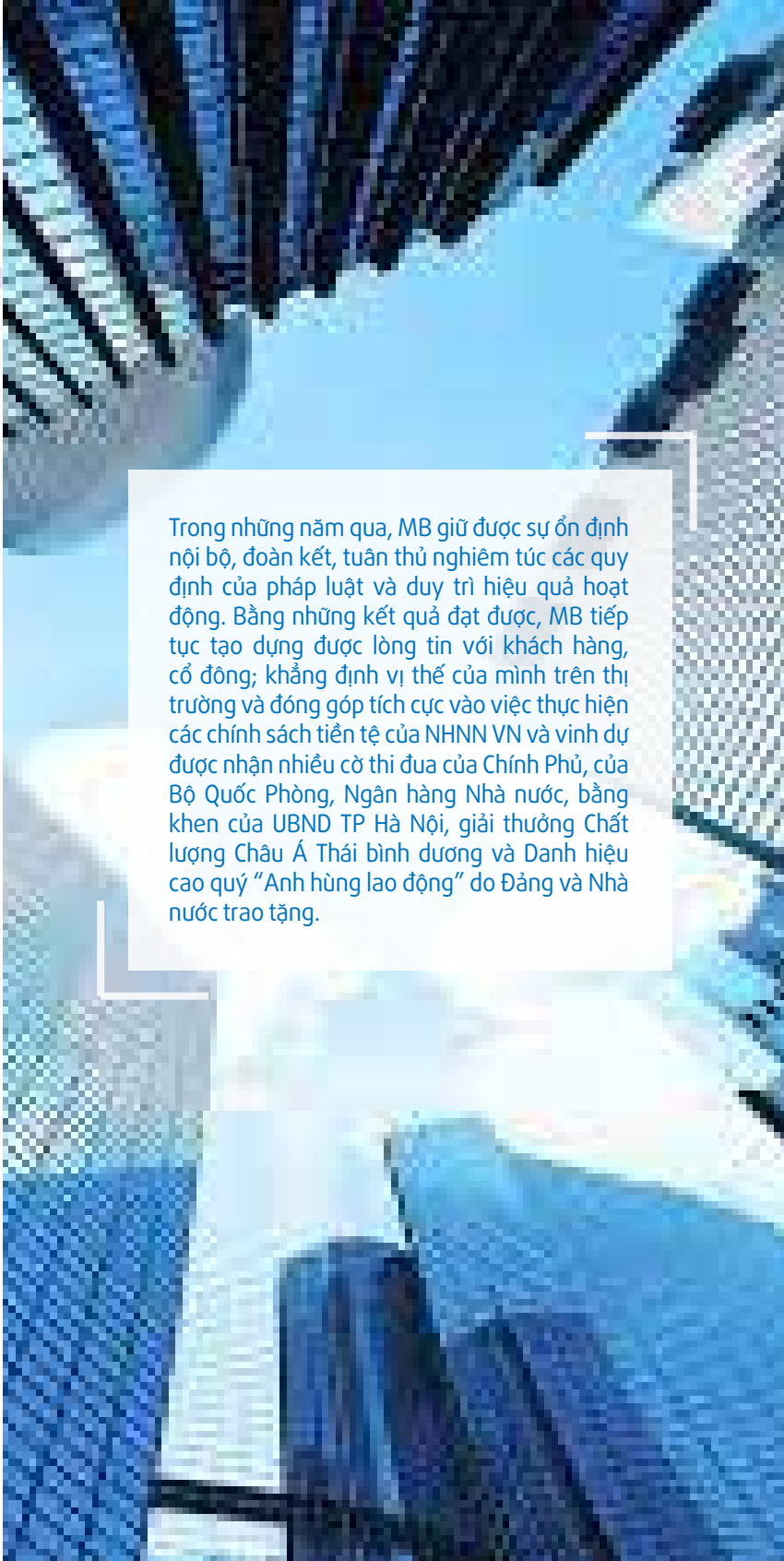


BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2015

Năm 2015 là năm cuối của Chiến lược giai đoạn 2011 – 2015, HĐQT, BKS, BĐH đã đồng tâm, thống nhất cao trong toàn hệ thống vì mục tiêu chung **“Tái cơ cấu – Phát triển bền vững”**. Đánh giá về kết quả triển khai chiến lược, MB đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản chiến lược đề ra, đồng thời hoàn thành mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể, các sáng kiến chiến lược được tập trung hoàn thành theo đúng lộ trình đề ra, các kế hoạch kinh doanh và chương trình hành động được chú trọng triển khai theo hướng **“quản trị rủi ro chặt chẽ”** và **“thượng tôn pháp luật”** nhưng vẫn đảm bảo linh hoạt và tận dụng được các cơ hội, giúp ngân hàng giữ được tốc độ tăng trưởng. Các chỉ tiêu kinh doanh của MBGroup hầu như đều tăng gấp đôi: Tổng Tài sản tăng 2,02 lần (từ 109.623 tỷ đồng lên 221.042 tỷ đồng); Lợi nhuận tăng gần 1,5 lần (từ 2.288 tỷ đồng lên 3.221 tỷ đồng), tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu hệ thống các NHTMCP Việt Nam về Lợi nhuận và các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động (ROA, ROE, Lợi nhuận/người, Lợi nhuận/điểm kinh doanh). Nhân sự trên 7.800 người (2010 là trên 4.000 người); Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới mức 2%. Hoạt động đầu tư tập đoàn theo mô hình ngân hàng mẹ và 05 công ty thành viên được triển khai quyết liệt. Hệ thống mạng lưới từ 140 điểm năm 2010 lên 253 điểm với 02 chi nhánh nước ngoài tại Lào, Campuchia. Hệ thống trụ sở MB được đầu tư tại các địa bàn quan trọng trên khắp cả nước, góp phần thể hiện thương hiệu, hình ảnh của MB. Riêng MB trong năm 2015 đã hoàn thành tăng vốn điều lệ theo kế hoạch đạt 16.000 tỷ đồng (gấp hơn 2 lần so với mức 7.300 tỷ đồng năm 2010), đảm bảo nguồn lực cho phát triển bền vững; hoàn thành vượt mức kế hoạch tăng trưởng dư nợ (19,63%) và huy động (8,2%), xuất sắc giảm tỷ lệ nợ xấu xuống còn 1,62% - thấp hơn năm 2014 (2,73%) và thấp so với trung bình ngành, quản trị chi phí hoạt động hiệu quả; Lợi nhuận trước thuế của riêng MB đạt 3.151 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư tập đoàn theo mô hình ngân hàng mẹ và 05 công ty thành viên trong giai đoạn 2011 – 2015 được triển khai quyết liệt với việc quản lý các công ty thành viên sát sao như chi nhánh. HĐQT đã tích cực chỉ đạo và cơ bản hoàn thành tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên trên cơ sở xây dựng chiến lược của từng công ty phù hợp với Chiến lược chung, hoàn thiện các quy trình, quy chế, tận dụng các tài nguyên như cơ sở khách hàng, bán chéo sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn lực tài chính, công nghệ, nhân sự, phát triển thương hiệu và tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi... Đến cuối 2015, hầu hết các công ty thành viên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, khẳng định được vị thế của mình tại lĩnh vực hoạt động chính (MBCapital là một trong những công ty quản lý quỹ năng động hàng đầu Việt Nam và nằm trong Top 3 về hiệu quả hoạt động; MBS đứng Top 5 về



Trong những năm qua, MB giữ được sự ổn định nội bộ, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và duy trì hiệu quả hoạt động. Bằng những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông; khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của NHNN VN và vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, của Bộ Quốc Phòng, Ngân hàng Nhà nước, bằng khen của UBND TP Hà Nội, giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái bình dương và Danh hiệu cao quý “Anh hùng lao động” do Đảng và Nhà nước trao tặng.

thị trường môi giới trên cả 2 sàn và là công ty chứng khoán đầu tiên được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận sáp nhập, MIC đứng Top 6 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam)....

Trong năm 2015, MB đã tổ chức 02 Đại hội đồng cổ đông (Đại hội thường niên 21/04/2015 và Đại hội bất thường ngày 06/10/2015) thông qua nhiều nội dung quan trọng. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, MB đã hoàn thành sáp nhập Công ty Tài chính Sông Đà (SDFC) vào MB; thực hiện thành lập Công ty Tài chính hoạt động trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng (Công ty Tài chính TNHH MTV MB – MFinance) và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas Life; hoàn tất các thủ tục xin chấp thuận MIC thành công ty thành viên. Theo đó, MB đang nỗ lực để hướng tới mục tiêu phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới tiềm năng, đa dạng hóa nguồn thu, tăng năng lực quản trị rủi ro, nâng cao giá trị của Ngân hàng và giá trị vốn góp của cổ đông và mô hình tập đoàn của MB theo đó được hình thành rõ nét.

Đặc biệt, sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ đồng, MB có thêm đối tác chiến lược mới là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gần bó nhiều năm như Viettel, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam. Theo đó, cơ cấu cổ đông của MB đạt được sự ổn định và thống nhất cao trong định hướng quản trị điều hành, tăng cường sự hợp tác phối hợp cùng phát triển. MB nỗ lực đảm bảo tốt quyền lợi cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức 10% cho năm 2014 và đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5% cho năm 2015; công khai minh bạch thông tin, thường xuyên được cập nhật về tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng HQT và của các cơ quan quản lý liên quan.

Quản trị theo mô hình công ty niêm yết và các thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới, việc phân cấp rõ vai trò Đại hội đồng cổ đông, HQT, BKS, BDH..., công tác quản trị - điều hành được thực hiện một cách hệ thống, có sự phối hợp và

thông tin chặt chẽ đảm bảo đáp ứng nhanh chóng, kịp thời, linh hoạt các yêu cầu phát sinh trong hoạt động quản lý kinh doanh và yêu cầu thực tế. Là 1 trong 10 ngân hàng được NHNN tin tưởng lựa chọn triển khai thí điểm Basel II tại Việt Nam, HQT đã định hướng rà soát, xây dựng mới, bổ sung, điều chỉnh các quy trình/quy chế/quy định nội bộ trên cơ sở “quản trị rủi ro chặt chẽ”, hoàn thiện các yếu tố nội tại và nghiên cứu các điều kiện khách quan, sẵn sàng đáp ứng các nguyên tắc quản trị rủi ro tiệm cận thông lệ quốc tế và các quy định của NHNN, làm nền tảng cho sự phát triển an toàn và bền vững.

Về quản trị điều hành, HQT đã chỉ đạo các cơ quan thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo HQT/BKS làm cơ sở theo dõi giám sát hoạt động của MB và việc triển khai thực hiện nghị quyết HQT của các đơn vị theo định kỳ và đột xuất. Các cuộc họp Thường trực HQT được tổ chức hàng tuần, họp HQT được tổ chức hàng Quý để nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động bên cạnh việc duy trì chế độ giám sát theo phân cấp thẩm quyền đã giúp HQT có định hướng chỉ đạo phù hợp với thực tế, phát huy tốt vai trò của từng thành viên HQT, Thường trực HQT và các Ủy ban. Các thành viên HQT chuyên trách, BKS, BDH đã thực hiện tốt việc phối hợp trong triển khai thực hiện các nghị quyết của HQT. Các cơ quan giúp việc trực tiếp cho HQT là các Ủy ban (Ủy ban Quản trị Rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Tín dụng), Ban Đầu tư và Văn phòng HQT đã hỗ trợ tích cực cho HQT trong việc nghiên cứu xây dựng Chiến lược, chính sách, định hướng hoạt động chung của toàn ngân hàng và chỉ đạo, ra quyết định đối với từng lĩnh vực chuyên môn (nhân sự, quản trị rủi ro, tín dụng và đầu tư...).

HQT cũng đã phối hợp tích cực với BKS chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đột xuất/chuyên đề đối với các cơ quan trong nội bộ MB và các công ty thành viên nhằm theo dõi, định hướng và làm cơ sở đánh giá định kỳ hoạt động của BDH, Người đại diện vốn tại các công ty thành viên căn cứ theo mục tiêu và kết quả thực hiện công việc; chỉ đạo nghiêm túc chấp

hành các quy định của cơ quan quản lý, đảm bảo hoạt động của MB luôn được kiểm soát tốt thể hiện ở các chỉ số hoạt động của MB luôn nằm trong giới hạn cho phép của Nhà nước (chỉ số an toàn vốn, tỷ lệ nợ xấu, chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng...).

HQT định hướng đầu tư trọng điểm và phát triển các sản phẩm dịch vụ kết hợp hàm lượng công nghệ cao, đem lại nhiều tiện ích gia tăng cho khách hàng với một loạt các đề án/dự án số hóa tập trung như BPM, CRM, MIS, DWH.. dành cho vận hành/ thẩm định, các hoạt động quản lý khác giúp tập trung, tăng năng lực quản lý ; ... Các dự án chiến lược với quy mô đầu tư lớn cũng được triển khai chất lượng và đúng tiến độ như dự án trụ sở mới tại 63 Lê Văn Lương, và các dự án xây dựng trụ sở chi nhánh tại các địa bàn trọng điểm. Để tạo nguồn nhân sự kế cận và nâng cao năng lực điều hành, HQT đã bổ nhiệm thêm 02 PTGD phụ trách phát triển bán chéo sản phẩm và phát triển kinh doanh khu vực, bổ sung một số Giám đốc/ Phó Giám đốc Khối kinh doanh và nghiệp vụ chủ chốt của MB. HQT cũng quan tâm phát triển đội ngũ quản lý cán bộ cấp cao có chất lượng tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn có năng lực và sẵn sàng đảm nhận các nhiệm vụ thách thức trong MBGroup; chỉ đạo xây dựng/ hoàn thiện các quy định/chính sách về nhân sự trong toàn tập đoàn (Quy chế khen thưởng, Chế độ đãi ngộ năm 2015; Danh sách nhân sự Top 50 và Top 500; Dự án KPIs...); đồng thời chỉ đạo tăng cường đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, các kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp đối với toàn bộ CBNV.

Đánh giá hoạt động của BDH trong năm 2015, công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của HQT, từng bước nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị điều hành ngân hàng. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong MBGroup được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

Kinh tế Thế giới năm 2016 được dự báo tăng trưởng khả quan, nhưng có nhiều thách thức như giá hàng hóa tiếp tục sụt giảm, các chính sách tiền tệ kích thích tăng trưởng kinh tế tại Mỹ bị gỡ bỏ. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2016 kỳ vọng có một số thuận lợi như các Hiệp định thương mại được ký kết, đầu tư khu vực tư nhân và nước ngoài khả quan hơn, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện nhờ triển khai các luật mới ban hành và sửa đổi. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng sẽ gặp phải nhiều thách thức như tác động tiêu cực từ sự sụt giảm tăng trưởng của Khu vực Châu Á, xuất khẩu trong nước còn hạn chế, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm.

Hoạt động của ngành Ngân hàng đã được cải thiện trong năm 2015 với tỷ lệ nợ xấu giảm về dưới mức 3%, cầu về tín dụng tăng trưởng cao hơn so với những năm trước, thanh khoản hệ thống dồi dào. Tuy nhiên, Hệ thống ngân hàng sẽ phải đối mặt với áp lực tăng vốn chủ sở hữu trước quy định thoái vốn của các Tổ chức tín dụng theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN và việc áp dụng các Thông lệ quản trị trên Thế giới bao gồm hiệp ước Basel II. Tăng trưởng tín dụng năm 2016 được dự báo cao hơn năm 2015; Xử lý nợ xấu vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của ngành.

Sau khi hoàn thành chiến lược giai đoạn 2011-2015, năm 2016 sẽ là năm đầu tiên cho giai đoạn phát triển tiếp theo của MB. Năm 2016 và các năm tiếp theo, HĐQT xác định 03 áp lực của MB là cạnh tranh mạnh trong ngành Ngân hàng, mục tiêu kinh doanh năm 2016 cao hơn các năm trước và quyết tâm tránh các nguy cơ tụt hậu để đảm bảo MB tiếp tục nằm trong **TOP 5 các NHTM về lợi nhuận và hiệu quả đầu tư**. Với vị thế, thương hiệu được khẳng định, MB định hướng phát huy sâu sắc hơn 2 năng lực cốt lõi là Ngân hàng tốt nhất phục vụ khách hàng

quân đội và Kênh liên kết với Viettel, tăng cường sự gắn kết trong nội bộ ngân hàng và giữa ngân hàng với đối tác, nhà đầu tư giúp xây dựng thêm các thế mạnh mới cho MB; đồng thời tiếp tục lựa chọn Mc. Kinsey là đối tác tư vấn đánh giá, hoàn chỉnh và bổ sung cho Chiến lược giai đoạn 2016 – 2020.

Trong bối cảnh như vậy, kế thừa những thành tựu đã đạt được trong giai đoạn trước, MB sẽ tiếp tục tập trung mạnh mẽ vào quản trị nhân sự, đầu tư công nghệ thông tin, quản trị rủi ro vượt trội, quản trị tập đoàn, bên cạnh đó tăng năng lực bán hàng, bán chéo trong tập đoàn, thiết kế sản phẩm/dịch vụ, tập trung vận hành, hướng đến mô hình tập đoàn với MB là Ngân hàng mẹ và các công ty thành viên thực sự vững mạnh trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh cốt lõi. 2 mảng kinh doanh mới là Bảo hiểm Nhân thọ và Tài chính tiêu dùng được kỳ vọng sẽ đem lại nguồn doanh thu mới cho tập đoàn, tăng khả năng bán chéo sản phẩm, phân tán rủi ro. Với phương châm **“Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả”**, năm 2016 Ngân hàng sẽ tiếp tục nỗ lực tối ưu hóa danh mục cho vay, tăng hiệu quả doanh thu, quản trị chi phí hiệu quả, tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông, ngân hàng, khách hàng, đối tác và cộng đồng, bên cạnh việc tuân thủ các quy định của pháp luật và chính sách của nhà nước, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước.

Với những lợi thế sẵn có, cùng sự đoàn kết và tính kỷ luật cao, MB đang ngày càng hoàn thiện bản thân để trở thành một trong những tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam và mong muốn tiếp tục đồng hành cùng với các đối tác, khách hàng, cổ đông vững bước vượt qua thử thách. Chính sự tin tưởng của quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác là động lực lớn để MB tự tin hiện thực hóa những kế hoạch trong tương lai.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Đã nêu trong Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và cổ đông:

- Thẩm định báo cáo tài chính và giám sát hệ thống báo cáo tài chính, thông tin kế toán
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Giám sát toàn diện đối với hoạt động quản trị, điều hành của MB, công ty con.
- Giám sát danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của MB theo quy định của Pháp luật.
- Giám sát phê duyệt cấp tín dụng đối với Công ty con, công ty liên kết và người có liên quan theo quy định của Pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Thường trực Hội đồng quản trị trong việc kiện toàn lại tổ chức hệ thống kiểm soát theo hướng quản lý tập đoàn, bổ sung nhân sự Trưởng Ban Kiểm soát Công ty con theo hướng chuyên trách.
- Hội đồng Quản trị, Ban điều hành MB tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo Ban kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Định kỳ, đột xuất Ban điều hành gửi báo cáo cho Ban kiểm soát theo đúng quy định hoặc theo yêu cầu đột xuất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban điều hành.

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với tư cách thành viên độc lập, khách quan và kịp thời đưa ra ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành của MB.
- Hội đồng Quản trị, Ban điều hành ghi nhận toàn bộ các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát và kịp thời bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện đảm bảo MB ngày càng phát triển bền vững.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát:

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát tập đoàn, giám sát tập đoàn, bao gồm: Chỉ đạo Trưởng Ban Kiểm soát các Công ty con kiện toàn lại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật; kiện toàn lại hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty con.
- Ban Kiểm soát đã chỉ đạo hoạt động Cơ quan Kiểm toán nội bộ đổi mới căn bản hoạt động, phương pháp kiểm toán trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật và hướng tới thông lệ Quốc tế (Basel 2).
- Xây dựng và ban hành các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, Cơ quan Kiểm toán nội bộ theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả tuân thủ đúng quy định của Pháp luật.
- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho hệ thống kiểm soát toàn tập đoàn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thông tin các Thành viên Ủy ban

Ủy ban Nhân sự:

1)	Ông Lê Hữu Đức	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Phó Chủ nhiệm Ủy ban
3)	Ông Lưu Trung Thái	- Thành viên Ủy ban
4)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban

Ủy ban Quản trị rủi ro:

1)	Ông Lưu Trung Thái	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Thành viên Ủy ban
3)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban
4)	Bà Nguyễn Thị Thủy	- Thành viên Ủy ban
5)	Bà Nguyễn Thị Ngọc	- Thành viên Ủy ban
6)	Ông Nguyễn Văn Huệ	- Thành viên Ủy ban

Ủy ban Tín dụng:

1)	Ông Lê Hữu Đức	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Bà Nguyễn Thị Thủy	- Phó Chủ nhiệm Ủy ban
3)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Thành viên Ủy ban
4)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban
5)	Ông Lưu Trung Thái	- Thành viên Ủy ban

2. Thông tin về tình hình hoạt động của các Ủy ban của HĐQT trong năm

Ủy ban Quản trị rủi ro thực hiện các công việc thuộc chuyên đề rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: Chỉ đạo xây dựng chính sách tín dụng năm 2015 trọng tâm là xây dựng các giới hạn và các nguyên tắc cấp tín dụng nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất định hướng cho hoạt động tín dụng tất cả các cấp; Chỉ đạo hoàn thiện Mô hình phê duyệt tín dụng và quy hoạch các nhóm khách hàng tại MB; Chỉ đạo điều chỉnh hệ thống phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tại MB phù hợp với thực tiễn; Thường xuyên giám sát chất lượng tín dụng của MB; Chỉ đạo thực hiện dự án phân tích khoảng cách và chủ động xây dựng lộ trình tuân thủ Basel 2 theo các thông lệ quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của NHNN....

Ủy ban Nhân sự định hướng, chỉ đạo tập trung xây dựng nguyên tắc đánh giá thi đua khen thưởng và hoàn thiện Quy chế thi đua - khen thưởng; bộ mẫu Hợp đồng lao động và Quy định chấm dứt Hợp đồng lao động; thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng cấp HĐQT định kỳ. Ngoài ra, Ủy ban Nhân sự chỉ đạo hoàn thiện bộ KPI toàn hàng hiệu chỉnh, phê duyệt Kế hoạch nhân sự, lương đãi ngộ và tuyển dụng năm 2015 và dành nhiều thời gian để phỏng vấn tuyển chọn nhân sự, bố trí, sắp xếp một số vị trí cán bộ quản lý, phù hợp với mô hình tổ chức và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của MB.

Ủy ban Tín dụng tập trung đóng góp xây dựng các chính sách liên quan, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tín dụng, đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu kinh doanh của MB như: tham gia tích cực đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản trị rủi ro trong quá trình xây dựng Chính sách tín dụng, thiết lập mô hình phê duyệt và hệ thống thẩm quyền, giám sát chất lượng tín dụng; chỉ đạo và định hướng các cơ quan xây dựng hạn mức, quy hoạch các nhóm Khách hàng có quan hệ về sở hữu Ngoài ra, Ủy ban Tín dụng thực hiện phê duyệt đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phán quyết của Hội đồng Quản trị liên quan đến cấp tín dụng và ban hành các gói sản phẩm tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn, hiệu quả cho MB.



3. Thông tin về cổ đông và quản lý cổ đông

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN, NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

STT	Họ tên TV HĐQT	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2013	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2014	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2015	Ghi chú
1	Lê Hữu Đức	0,007%	0,007%	0,006%	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	0,018%	0,018%	0,015%	
3	Lưu Trung Thái	0,025%	0,025%	0,020%	
4	Lê Công	-	0,102%	0,089%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2014
5	Nguyễn Thị Ngọc	-	0,004%	0,004%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2014
6	Nguyễn Thị Thủy	-	0,032%	0,025%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2014
7	Hà Tiến Dũng	0,013%	0,013%	0,010%	
8	Nguyễn Văn Hùng	-	0%	0,0006%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2014
9	Nguyễn Đăng Nghiêm	0,011%	0,011%	0,009%	
10	Nguyễn Văn Huệ	-	0%	0,0006%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2014
11	Trần Thị Kim Thanh	0,0086%	0,0086%	-	Thôi giữ chức vụ TVHĐQT MB tháng 10/2015

* Dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	
				Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội	Ngân hàng	114.507.975	7,16%
2	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	722 Điện Biên Phủ, Phường Bình Thạnh, TP HCM	Dịch vụ vận tải	122.410.709	7,65%
3	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Dịch vụ bay	127.531.304	7,97%
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	Tòa Tháp A, Tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Ngân hàng	141.457.666	8,84%
5	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh vốn	160.000.000	10%
6	Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)	Số 01 Giang Văn Minh, Hà Nội	Viễn thông	240.000.000	15%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2015

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông tổ chức	261	1.288.968.187	80,56%
A	Trong nước	192	1.129.305.741	70,58%
B	Nước ngoài	69	159.662.446	9,98%
2	Cổ đông cá nhân	19.673	311.031.813	19,44%
A	Trong nước	19.594	310.694.259	19,42%
B	Nước ngoài	79	337.554	0,02%
Tổng		19.934	1.600.000.000	100%

Cổng thông tin giao tiếp với cổ đông:

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: www.mbbank.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng HĐQT

(Địa chỉ liên hệ: Tầng 15 – 21 Cát Linh – Đống Đa – Hà Nội; Điện thoại: 04. 37623326)



1.600.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành



19.934 cổ đông
Số lượng cổ đông

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN LÝ CỔ ĐÔNG:

Trong năm 2015, MB đã thực hiện tăng vốn theo kế hoạch. Do vậy, Vốn điều lệ của MB tính đến thời điểm 31/12/2015 đã đạt 16.000 tỷ đồng

- Tổng số cổ phiếu niêm yết 1.600.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành 1.600.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

Tính đến 31/12/2015, MB thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 1 đợt cho năm 2015 với tỷ lệ: 5%





- HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU XUYỀN SUỐT CỦA MB LÀ GIỮ VỊ TRÍ VỮNG CHẮC TRONG NHÓM NĂM NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015, VỚI TẦM NHÌN LÀ TRỞ THÀNH MỘT NGÂN HÀNG THUẬN TIỆN, TRÊN CƠ SỞ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG LÀ MỘT TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH ĐA NĂNG, ĐỦ SỨC CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ DẪN VƯƠN RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

1. TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH

Kết thúc năm 2015, Ngân hàng Quân đội đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện các mục tiêu đã đề ra. Trong đó, MB đã hoàn thành và vượt tất cả các chỉ tiêu kinh doanh, tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu hệ thống các NHTMCP Việt nam về lợi nhuận, các chỉ số ROA, ROE, lợi nhuận/người, lợi nhuận/điểm kinh doanh, uy tín và vị thế của Ngân hàng ngày càng được nâng cao. Công tác xử lý nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ (tỷ lệ nợ xấu 1,62%), tái cơ cấu hoàn thành sớm và vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm. Tổng tài sản đạt 221.042 tỷ đồng. Huy động vốn đạt 181.751 tỷ đồng, tăng 8,2% so với 2014. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế đạt 3.221 tỷ đồng.

2. CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với Cổ đông

Trong những năm qua, MB luôn tự hào là một trong những ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách cổ đông. Đối với cổ đông, MB cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp một cách khoa học để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cam kết cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật các cổ đông về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện thực hóa các cam kết của mình, trong năm 2015, MB đã nỗ lực triển khai các chính sách cổ đông trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hài hòa lợi ích của các cổ đông. Về cổ tức, MB duy trì được khả năng sinh lời và gia tăng giá trị cho cổ đông một cách bền vững dựa trên các cấu trúc tài chính cũng như cơ cấu thu nhập hợp lý. MB tuân thủ theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa thu nhập ổn định và thích đáng cho cổ đông thông qua hoạt động chi trả cổ tức dưới các hình thức khác nhau: tiền mặt và cổ tức bằng cổ phiếu đồng thời duy trì được sức tăng trưởng bền vững, đảm bảo duy trì giá trị phần vốn góp của các cổ đông thông qua việc sử dụng một phần lợi nhuận được giữ lại hàng năm để tái đầu tư cho tương lai và duy trì giá trị của cổ phiếu. Lợi nhuận sau thuế được sử dụng để trích các quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật, trả cổ tức và trích các quỹ khác. Về việc cung cấp thông tin cổ đông, MB đã ban hành quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành, góp phần duy trì kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa MB và cổ đông, thể hiện tính minh bạch, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiếp nhận các thông tin quan trọng của các nhà đầu tư. MB cũng đã tích cực hỗ trợ và giải đáp thắc mắc, các yêu cầu của cổ đông thông qua các kênh tương tác khác nhau như: điện thoại, email, thư phát... Trang website MBB, mục Nhà đầu tư được chỉnh sửa thiết kế giao diện thân thiện, dễ truy xuất, tìm kiếm thông tin với cổ đông. MB thường xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin, thông báo của Hội đồng quản trị; các biểu mẫu, các vấn đề hỏi đáp/liên hệ, thông tin giá thị trường cổ phiếu MBB, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên... tại đây để cổ đông kịp thời nắm thông tin. Đặc biệt, MB tách riêng một mục liên quan đến Đại hội cổ đông để các cổ đông tiện theo dõi tất cả các vấn đề, nội dung, Quyết nghị có liên quan đến Đại hội cổ đông của từng năm. MB nhận thức được quyền của cổ đông trong việc tiếp nhận thông tin một cách chính xác, kịp thời và bình đẳng là căn cứ để đưa ra các quyết định quan trọng tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chính vì vậy, không chỉ cập nhật các tài liệu về Đại hội cổ đông đúng thời gian trên website, MB còn phối hợp gửi thư chuyển phát, gọi điện và gửi tin nhắn thông báo cho các cổ đông về thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội, đảm bảo tất cả các cổ đông đều nắm được thông tin kịp thời. Công tác tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước được thực hiện thường xuyên và ngày càng chuyên nghiệp, đã góp phần thu hút sự quan tâm của cộng đồng các nhà đầu tư tiềm năng tìm kiếm cơ hội đầu tư vào MB. Về các quyền lợi cổ đông khác, MB luôn tạo cơ hội cho cổ đông có quyền như nhau trong việc giám sát hoạt động của công ty, được tham dự và đưa ra các đề xuất cũng như góp ý của mình. Tại MB, MB tự hào vì có rất nhiều các cổ đông nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng từ khi thành lập đến nay và thường xuyên đóng góp nhiều ý kiến quý báu đối với hoạt động của MB.

Đồng thời, cổ đông được quyền đề cử, ứng cử các vị trí tại Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát MB và các quyền mua cổ phần mới khi MB tăng vốn điều lệ và được thực hiện các quyền khác theo đúng quy định của pháp luật.

Với Khách hàng

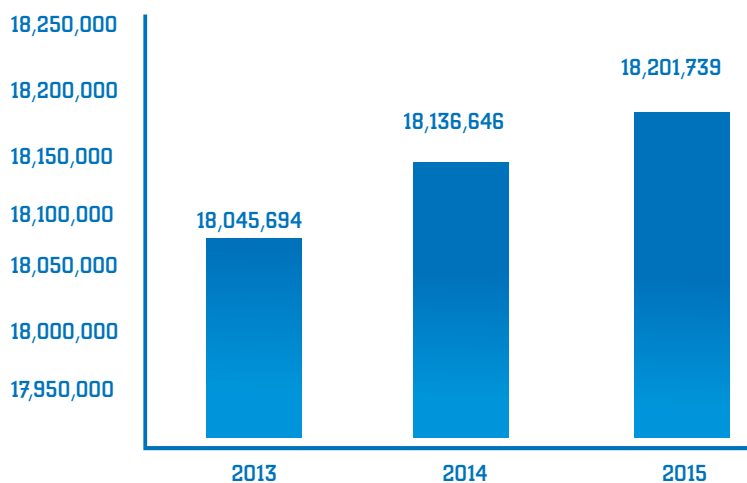
Hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ năm 2015 đã bám sát định hướng chiến lược MB, các sản phẩm, dịch vụ được xây dựng và phát triển đa dạng đáp ứng mục tiêu kinh doanh, hướng tới từng phân khúc khách hàng, phù hợp với đặc thù của từng vùng miền.

Năm 2015 đánh dấu sự dịch chuyển mạnh mẽ thông qua việc đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin, nhiều sản phẩm tín dụng đã được đưa lên thẩm định qua CRA, thực hiện thẩm định tự động, hàng loạt sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao đã được xây dựng và triển khai nổi bật là nhóm sản phẩm ngân hàng điện tử (Dịch vụ ebanking cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp; Triển khai ebanking tại Lào; Chuyển khoản ngoài Ngân hàng và ứng dụng đổi điện thoại qua MBPlus; chuyển tiền quốc tế online; tiếp nhận thông tin giao dịch thanh toán quốc tế trên eMB...), nhóm sản phẩm liên kết với Viettel (Sản phẩm chuyển tiền mặt Bankplus; Sản phẩm Bankplus simple), nhóm sản phẩm thẻ (Sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế MB Visa Debit; Thẻ tín dụng quốc tế JCB; Hệ thống ATM, POS MB chấp nhận thẻ JCB; Sản phẩm thẻ liên kết với các đối tác; Dự án thẻ, POS, ATM tại Campuchia...). Đặc biệt, năm 2015 cũng đánh dấu sự ra đời một loạt các sản phẩm, chính sách của MB có tính mới, độc đáo trên thị trường: Sản phẩm ngân hàng sử dụng chứng từ điện tử được ký bởi chữ ký số Viettel; Sản phẩm bảo lãnh bán nhà hình thành trong tương lai; Dịch vụ chuyển tiền quốc tế online; Dịch vụ chuyển tiền mặt bankplus; Sản phẩm thẻ tín dụng Sakura; Tiết kiệm lập nghiệp dành cho quân nhân; Chính sách ghi nhận thu nhập linh hoạt...

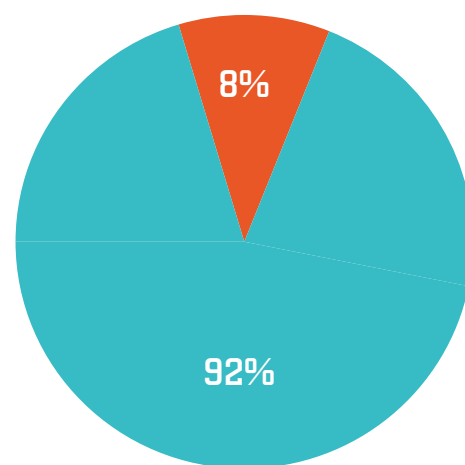
Với Người lao động

Năm 2015, MB vẫn tăng trưởng về số lượng và chất lượng nhân sự, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện những cam kết với người lao động trong việc tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập hỗ trợ cải thiện cuộc sống, các cơ hội đào tạo và chính sách phúc lợi trong ngôi nhà chung MB.

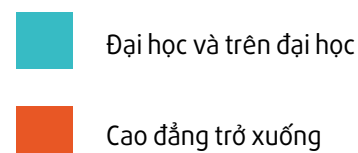
(Chi tiết hơn vui lòng xem tại chuyên mục Phát triển nguồn nhân lực)



THU NHẬP BÌNH QUÂN



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



(*) Tính riêng Ngân hàng



TẬN TÂM TẠO RA GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

RA ĐỜI VÀ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG TỪ NĂM 1994, TRẢI QUA HƠN 21 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH, MB LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHTM LUÔN HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, HIỆU QUẢ, KHẲNG ĐỊNH ĐƯỢC UY TÍN, THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ. BÊN CẠNH NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, MB ĐƯỢC BIẾT ĐẾN LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TỐT TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI.

Trong suốt hơn 21 năm qua, song hành với việc mở rộng quy mô hoạt động, công tác chính sách, trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội luôn được MB quan tâm và mở rộng. Đây là một trong những nét văn hóa MB đã xây dựng và duy trì trên toàn hệ thống trong suốt những năm qua. Xuất phát từ nền nếp ấy, hàng năm các đơn vị, CBNV toàn hệ thống tiến hành nhiều hoạt động tham gia xây dựng, phát triển cộng đồng. Nguồn kinh phí được trích từ lợi nhuận sau thuế; từ các phong trào đóng góp tự nguyện của CBNV và từ các chi nhánh, đơn vị tổ chức tự nguyện. Hình thức thực hiện thông qua đánh giá mức độ cần thiết và cấp kinh phí trực tiếp cho đơn vị nhận tài trợ hoặc bằng các chính sách, sản phẩm dịch vụ ngân hàng ưu đãi hấp dẫn cho từng đối tượng khác nhau. Giá trị tài trợ cho các hoạt động này hàng năm lên tới hàng trăm tỷ đồng.

GHI NHỚ CÔNG LAO CÁC THẾ HỆ ANH HÙNG

Là một ngân hàng mang tên Quân đội, một Quân đội Anh hùng, MB luôn tự hào và luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, phấn đấu để xứng đáng với tên gọi đó. Gắn bó và đi cùng với Quân đội, MB xác định chăm sóc thương binh, bệnh binh, người có công với Cách mạng và thân nhân gia đình luôn là tình cảm, là trách nhiệm của mọi con người MB. Suốt những năm qua, MB là một trong những doanh nghiệp tích cực tham gia, tài trợ cho hoạt động các hội, các tổ chức và hoạt động liên quan đến quân nhân, cựu quân nhân các hoạt động khắc phục hậu quả do chiến tranh để lại như Hội Cựu Chiến binh, Hội Chất độc màu da cam, di-ô-xin, Hội Hỗ trợ các gia đình Thương binh, Liệt Sỹ, Hội Khắc phục hậu quả bom mìn...Đóng góp tôn tạo xây dựng các di tích lịch sử, nghĩa trang liệt sỹ, các quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", xây dựng nhà tình nghĩa và phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam Anh hùng.



Hàng năm, trong dịp kỷ niệm ngày Thương binh, Liệt sỹ MB và các đơn vị trong toàn hệ thống tổ chức nhiều hoạt động thăm hỏi, tặng quà các thương binh, bệnh binh, những người có công với cách mạng, tổ chức một đợt tặng quà cho các cựu TNXP tại các tỉnh, thành trên cả nước. Thông qua các hoạt động này, CBNV MB được giáo dục truyền thống cách mạng, hiểu và trân trọng giá trị, ý nghĩa của cuộc sống.

GIÁO DỤC Ý THỨC VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO

Trong những năm gần đây, ngoài việc thực hiện trách nhiệm thường xuyên với cộng đồng xã hội, khi độc lập chủ quyền biển đảo nước ta bị đe dọa, MB đã tiến hành nhiều chương trình với tổng giá trị lên tới vài chục tỷ đồng ủng hộ Quân và dân bám biển, vững tay chèo, chắc tay súng bảo vệ vùng trời, vùng biển của Tổ quốc.

Trong đó có những chương trình ý nghĩa như phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân tài trợ xây dựng nhà văn hóa đa năng trên quần đảo Trường Sa, chương trình ủng hộ cảnh sát biển, đặc biệt công trình công viên Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Hàng năm các đơn vị trên toàn hệ thống cũng tổ chức những chương trình quyên góp, ủng hộ và tới thăm hỏi động viên tinh thần các cán bộ chiến sỹ và người dân tại các huyện đảo.

CHĂM SÓC THẾ HỆ TƯƠNG LAI

Với mong muốn thế hệ tương lai có một cuộc sống ấm no hạnh phúc, hàng năm MB vẫn luôn tổ chức rất nhiều chương trình thiện nguyện như "Chắp cánh tới trường", "Thắp sáng vùng cao", "Ấm lòng trẻ thơ", "Đồng ấm cho em"... đem hơi ấm đến cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn trên khắp mọi miền tổ quốc. Ngoài ra vào dịp tết Trung thu, các đơn vị trên toàn hệ thống cũng luôn

tổ chức những chương trình tặng quà thăm hỏi bệnh nhi nghèo tại các bệnh viện như Viện Huyết học trung ương, Bệnh viện nhi Trung ương, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Nghệ An... và tại các lớp học tình thương.

Công việc kinh doanh của MB sẽ luôn song hành với trách nhiệm cộng đồng, xã hội. Chắc chắn MB sẽ duy trì và không ngừng tăng cường thực hiện tốt trách nhiệm này. Một trong những nội dung của triết lý kinh doanh của MB là "Tận tâm tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng - xã hội". Triết lý kinh doanh gắn với cộng đồng này chính là nét văn hóa tạo ra sự khác biệt và thành công của Ngân hàng mang tên Quân đội - MB.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh các báo cáo
tài chính hợp nhất



**Giấy phép Hoạt động
Ngân hàng số**

0054/NH-GP

Ngày 14 tháng 9 năm 1994

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Đức

Chủ tịch

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Phó Chủ tịch

Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch

Ông Hà Tiến Dũng

Thành viên

Ông Nguyễn Đăng Nghiêm

Thành viên

Ông Lê Công

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Ngọc

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thủy

Thành viên

Bà Trần Thị Kim Thanh

Thành viên (miễn nhiệm ngày
5/10/2015)

Ông Nguyễn Văn Huệ

Thành viên HĐQT độc lập

Ban Điều hành	Ông Lê Công	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ưông Đồng Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Tài chính
	Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/11/2015)
	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/11/2015)

Ông Hoàng Thế Hưng Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/8/2015)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	Số 21 Cát Linh, Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI Báo Cáo Của Ban Điều Hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo tài chính này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "MB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng MB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Lê Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “MB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 03 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 15-02-014/4



Trần Anh Quân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán
số 0306-2013-007-1

Nguyễn Minh Hiếu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán
số 1572-2013-007-1

Hà Nội, 29 -03-2016

	Thuyết minh	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	5	1.235.658	1.233.231
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	8.181.894	6.067.482
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	28.658.950	21.415.257
Tiền gửi tại các TCTD khác		17.784.947	11.104.280
Cho vay các TCTD khác		11.143.003	10.753.477
Dự phòng rủi ro		(269.000)	(442.500)
Chứng khoán kinh doanh	8	3.469.067	10.456.489
Chứng khoán kinh doanh		3.614.309	10.545.687
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(145.242)	(89.198)
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	9	96.437	5.387
Cho vay khách hàng		119.372.248	98.106.265
Cho vay khách hàng	10	121.348.630	100.569.006
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.976.382)	(2.462.741)
Chứng khoán đầu tư	12	46.760.198	50.781.094
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		39.513.026	44.647.646
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		8.070.136	6.457.264
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(822.964)	(323.816)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	1.606.122	1.459.650
Đầu tư vào công ty liên kết		362.470	361.960
Đầu tư dài hạn khác		1.464.944	1.270.732
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn		(221.292)	(173.042)

Thuyết minh	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Tài sản cố định	1.931.689	1.927.332
Tài sản cố định hữu hình	14	731.085
Nguyên giá	1.820.179	1.643.793
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.089.094)	(868.623)
Tài sản cố định vô hình	15	1.200.604
Nguyên giá	1.574.714	1.457.968
Giá trị hao mòn lũy kế	(374.110)	(305.806)
Bất động sản đầu tư	16	298.451
Nguyên giá	301.988	273.170
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.537)	(505)
Tài sản Có khác	17	9.431.279
Các khoản phải thu	5.657.166	4.652.248
Các khoản lãi, phí phải thu	2.865.221	3.514.341
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	1.805
Tài sản Có khác	1.121.905	756.563
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(214.818)	(161.774)
TỔNG TÀI SẢN	221.041.993	200.489.174

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	1.411.502	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	7.509.486	4.604.175
Tiền gửi của các TCTD khác		3.483.599	966.715
Vay các TCTD khác		4.025.887	3.637.460
Tiền gửi của khách hàng	20	181.565.384	167.608.507
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	317.958	224.788
Phát hành giấy tờ có giá	22	2.450.058	2.000.058
Các khoản nợ khác	23	4.604.554	8.903.434
Các khoản lãi, phí phải trả		1.786.044	1.914.914
Các khoản phải trả và công nợ khác		2.818.510	6.988.520
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		197.858.942	183.340.962
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	24	23.183.051	17.148.212
Vốn của TCTD		16.718.524	11.932.359
Vốn điều lệ		16.000.000	11.593.938
Thặng dư vốn cổ phần		718.524	338.421
Quỹ của TCTD		2.241.691	1.839.735
Lợi nhuận chưa phân phối		3.633.134	2.788.992
Lợi ích của cổ đông thiểu số	24	589.702	587.126
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.183.051	17.148.212
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.041.993	200.489.174

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		89.555.115	94.356.203
Bảo lãnh vay vốn		149.260	237.494
Cam kết giao dịch hối đoái		16.374.865	16.074.897
Cam kết mua ngoại tệ		2.699.398	2.241.975
Cam kết bán ngoại tệ		4.619.076	2.764.414
Cam kết giao dịch hoán đổi		9.056.391	11.068.508
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		36.520.147	49.827.249
Bảo lãnh khác		33.754.130	27.932.707
Các cam kết khác		2.756.713	283.856

Người lập: Người soát xét: 

Người phê duyệt:

**Bà Lê Khánh Hằng**
PT. Phòng Kế toán**Bà Lê Thị Lợi**
Giám đốc Tài chính**Ông Lê Công**
Tổng Giám đốc

	Thuyết minh	Năm 2015 TRIỆU VND	Năm 2014 TRIỆU VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	13.537.628	13.644.506
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(6.219.098)	(6.608.529)
Thu nhập lãi thuần	25	7.318.530	7.035.977
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	1.527.970	912.290
Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(984.132)	(457.790)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	543.838	454.500
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	159.048	89.835
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn	28	134.034	306.297
Thu nhập từ hoạt động khác		611.262	360.645
Chi phí hoạt động khác		(86.523)	(18.884)
Lãi thuần từ hoạt động khác	29	524.739	341.761
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	91.679	78.524
Chi phí hoạt động	31	(3.449.129)	(3.114.202)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		5.322.739	5.192.692
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(2.102.068)	(2.018.690)
Tổng lợi nhuận trước thuế		3.220.671	3.174.002
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(707.398)	(668.351)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	(1.139)	(2.664)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33	(708.537)	(671.015)
Lợi nhuận sau thuế		2.512.134	2.502.987
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		16.141	27.018
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	1.902	2.073

Người lập: 



Bà Lê Khánh Hằng
PT. Phòng Kế toán

Người soát xét: 



Bà Lê Thị Lợi
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



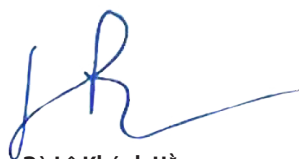
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Năm 2015 TRIỆU VND	Năm 2014 TRIỆU VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	14.186.748	13.478.862
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.347.968)	(6.147.483)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	543.839	454.500
Thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	384.083	424.311
Chi phí khác	(1.366.483)	(1.174.585)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	458.775	219.045
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.914.621)	(1.593.234)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(834.392)	(597.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	5.109.981	5.063.536
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(1.526.544)	9.459.118
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	8.661.450	(10.863.498)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(91.051)	(5.385)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(20.779.624)	(12.826.091)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư)	(2.196.441)	(1.368.572)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(1.374.738)	1.075.386
Những thay đổi về nợ hoạt động		
Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	1.411.502	-
Tăng/(giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	2.905.311	(16.818.828)
Tăng tiền gửi của khách hàng	13.956.877	31.519.695
Tăng phát hành giấy tờ có giá	450.000	-
Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	93.170	46.982
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(17.615)
(Giảm)/tăng khác về nợ hoạt động	(4.004.187)	3.535.106

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Chi từ các quỹ của TCTD	(168.288)	(116.046)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2.447.419	8.683.788
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(287.133)	(361.310)
Tiền (chi)/thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(10.459)	(187)
Mua sắm bất động sản đầu tư	(37.905)	(94.073)
Tiền (chi)/thu từ các khoản đầu tư dài hạn	(194.722)	94.465
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	91.679	70.298
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(438.540)	(290.807)
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	4.438.347	-
Cổ tức trả cho cổ đông	(578.414)	(811.576)
Biến động khác	-	10.824
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	3.859.933	(800.752)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	5.868.812	7.592.229
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	20.133.554	12.541.325
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 35)	26.002.366	20.133.554

Người lập:



Bà Lê Khánh Hằng
PT. Phòng Kế toán

Người soát xét:



Bà Lê Thị Lợi
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Lê Công
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần của Ngân hàng là 16.000.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 11.593.937.500.000 VND). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi ba (83) chi nhánh (trong đó có hai (2) chi nhánh tại nước ngoài), một trăm sáu mươi chín (169) phòng giao dịch, một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài được NHNNVN cấp phép thành lập.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “MB”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có năm (5) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB AMC”)	0105281799 ngày 11 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”)	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Đầu tư và kinh doanh chứng khoán	79,52%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“MB Cap”)	06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%

4	Công ty Cổ phần Địa ốc MB ("MB Land") (*)	0102631822 ngày 25 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	65,29%
5	Công ty Cổ phần Việt REMAX (*)	0304136549 ngày 8 tháng 2 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Đầu tư xây dựng công trình khu dân cư, cao ốc văn phòng	100,00%

(*) Sở hữu gián tiếp qua các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có ba (3) công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GPĐC/KD do Bộ Tài chính cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014	Bảo hiểm phi nhân thọ	49,77%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư VIETASSET (*)	0102749334 ngày 27 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Đầu tư xây dựng	45,00%
3	Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc (*)	4703000542 ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp	Xây dựng công trình	44,39%

(*): Sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng và các công ty con có 7.810 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 6.939 nhân viên).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của MB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND").

3. THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ ÁP DỤNG CÁC HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngoại trừ những thay đổi dưới đây, MB áp dụng nhất quán các chính sách kế toán được đề cập tại Thuyết minh số 4 trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Phân loại nợ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 và Khoản 1, Điều 9 và Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02").

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Khoản 3, Điều 8 và Khoản 1, Điều 9 của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành. Theo đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng.

Đồng thời, Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư 02 chính thức hết hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Theo đó, Ngân hàng không được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Khoản 3a, Điều 10.

MB đã áp dụng phi hồi tố các quy định này. Những thay đổi được trình bày trong Thuyết minh 4(h) - Cho vay khách hàng.

Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ("Thông tư 49") sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư 49 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính của MB có một số thay đổi theo mẫu biểu mới của Thông tư 49. Đồng thời, các số liệu so sánh của năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với kỳ hiện tại (Thuyết minh 43 - Số liệu so sánh).

Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong Phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. MB đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 202 từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc áp dụng Thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của MB.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà MB có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của MB trong tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ MB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của MB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Chứng khoán kinh doanh**(i) Phân loại**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác, được mua với mục đích bán lại để thu lợi nhuận trong ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

MB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày MB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ Đồng theo quy định tại Thông tư số 228/2009-TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89").

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá chứng khoán khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. MB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua. MB ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii) Ghi nhận

MB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MB nhận phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu chứng khoán này.

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được xác định là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá

gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 4(h).

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán tính theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Ngân hàng kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14"). Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập số dự phòng cụ thể nói trên và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Ngân hàng trích lập chi phí dự phòng này định kỳ hàng tháng. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà MB có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của các công ty liên kết mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi

giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho các công ty liên kết.

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà MB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà MB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của MB tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(g) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(h) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của MB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi MB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), MB xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

(i) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở phi hồi tố, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của các khoản cho vay được cho phép tại Điều 11 của Thông tư 02. Phương pháp phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng dựa trên cả hai yếu tố là định tính và định lượng được NHNNVN phê duyệt trong Công văn số 8738/NHNN-CNH ngày 25 tháng 9 năm 2008.

Theo đó, các khoản cho vay được phân loại theo mức độ rủi ro như sau:

STT	Xếp hạng	Nhóm nợ	Mô tả
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
2	AA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
3	A	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
4	BBB	Nhóm 2	Nợ cần chú ý
5	BB	Nhóm 2	Nợ cần chú ý
6	B	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn
7	CCC	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn
8	CC	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ
9	C	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ
10	D	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn

Theo Điều 10, khoản 3a của Thông tư 02, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- * Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- * Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- * Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- * Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; và
- * Ngân hàng đáp ứng được các quy định của NHNNVN về các giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay như đã được phân loại hiện tại. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ sau ngày 1 tháng 4 năm 2015 không được giữ nguyên nhóm nợ và được phân loại vào nhóm nợ tương ứng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của thông tư này.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của Ngân hàng.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng cụ thể được xác định dựa trên số dư các khoản cho vay của từng khách hàng trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản vay. Dự phòng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu.

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- * Tài sản đảm bảo có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.
- * Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản đảm bảo	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
Vàng miếng, trừ vàng miếng không có giá niêm yết và các loại vàng khác, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%

Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
Bất động sản	50%
Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Theo Công văn số 8738/NHNN-CN ngày 25 tháng 9 năm 2008 của NHNNVN, dự phòng chung và dự phòng cụ thể của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 được trích lập dựa trên dư nợ tại ngày 30 tháng 11.

Ngân hàng trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

Theo Thông tư 02, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(ii) Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, là công ty con của Ngân hàng

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được áp dụng tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản phải thu khác như được đề cập trong Thuyết minh 4(o).

(i) Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 (“Thông tư 21”) và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2013 (“Thông tư 01”) sửa đổi và bổ sung Thông tư 21, tổ chức tín dụng chỉ được phép thực hiện các hoạt động gửi tiền và nhận tiền gửi có kỳ hạn tối đa ba tháng tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. Các khoản tiền gửi với kỳ hạn trên ba tháng phát sinh sau ngày hiệu lực của các thông tư này được phân loại là cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng cụ thể.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng khác như đề cập trong Thuyết minh 4(h).

(j) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. MB không lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi MB phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh; trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán tại Thuyết minh 4(h).

(k) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

MB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

*	nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
*	máy móc thiết bị	3 - 4 năm
*	phương tiện vận tải	6 năm
*	các tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

(m) Tài sản cố định vô hình**(i) Phần mềm vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất**Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 - 46 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(n) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là các bất động sản mà MB đầu tư với mục đích cho thuê hoặc thu lợi từ việc tăng giá tài sản.

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê. Khấu hao của bất động sản đầu tư cho thuê được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 50 năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được kế toán tương tự như đối với bất động sản đầu tư cho thuê. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được tiếp tục trích khấu hao nữa. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
* Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
* Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
* Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
* Từ ba (03) năm trở lên	100%

(p) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng khác các khoản đã nêu trong các Thuyết minh 4(d), 4(e), 4(f), 4(h), 4(i) và 4(j) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MB có vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho MB từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho MB.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, MB không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(r) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(s) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(t) Các quỹ dự trữ**(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng**

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 57"), Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần/điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, ngoài hai quỹ dự trữ theo luật định nêu trên, không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con**Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB AMC")**

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được MB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")

MBS và MB Capital trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được Công ty thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Các công ty con khác

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

(u) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(h) được ghi nhận khi MB thực sự thu được. Thu nhập lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của MBS được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của MB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(v) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(w) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(x) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(y) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của MB. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MB bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MB được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(z) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

(aa) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

MB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay đối với các khoản cho vay được gia hạn. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thu tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các dòng tiền dự kiến trong tương lai.

(ab) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của MB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- * Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- * Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- * các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các tài sản tài chính đã được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- * các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- * các khoản mà MB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các khoản được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- * các khoản mà MB nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- * các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- * các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- * Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- * Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

5 TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	974.289	941.863
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	258.508	288.676
Vàng	2.861	2.692
	1.235.658	1.233.231

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	7.638.016	5.642.140
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	178.518	232.307
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	365.360	193.035
	8.181.894	6.067.482

- (i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc (“DTBB”). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2015	31/12/2014
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng tiền tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng tiền tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Dự trữ bắt buộc bằng VND	1,20%	1,20%
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,00%	0,05%

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Lào Kip (“LAK”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng	10,00%	10,00%
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	10,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	5,00%

Các khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riels (“KHR”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi bằng tiền tệ khác KHR	12,50%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Khoản dự trữ 8% bằng KHR không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,10%	0,10%
Dự trữ bắt buộc bằng KHR	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,50%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng KHR	0,75%	0,00%

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	566.885	372.883
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.226.458	2.724.104
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	6.699.790	5.457.329
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.291.814	2.549.964
Cho vay các TCTD khác		
Cho vay bằng VND	9.617.139	9.516.959
Cho vay bằng ngoại tệ	1.525.864	1.236.518
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác (i)	(269.000)	(442.500)
	28.658.950	21.415.257

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	28.663.950	21.415.257
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	264.000	442.500
	28.927.950	21.857.757

(i) Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2015 TRIỆU VND	31/12/2014 TRIỆU VND
Dự phòng chung	-	-
Dự phòng cụ thể	269.000	442.500
	269.000	442.500

Biến động dự phòng chung tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	442.500	49.300
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(173.500)	197.200
Phân loại lại từ dự phòng rủi ro cho tài sản Có khác sang dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác (Thuyết minh 17)	-	196.000
Số dư cuối năm	269.000	442.500

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,70% - 5,40%	3,20% - 4,90%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 1,00%	0,40% - 2,70%
Cho vay bằng VND	5,00% - 5,20%	3,50% - 5,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,20%	1,50% - 2,00%

8 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
* Trái phiếu Chính phủ	1.475.114	4.879.625
* Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	1.379.457	5.068.806
* Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	112.159	-
Chứng khoán vốn		
* Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành	4.257	4.214
* Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	488.792	505.230
* Chứng khoán vốn khác	154.530	87.812
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(145.242)	(89.198)
	3.469.067	10.456.489

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
* Chưa niêm yết	2.966.730	9.948.431
Chứng khoán vốn		
* Đã niêm yết	578.922	543.971
* Chưa niêm yết	68.657	53.285
	3.614.309	10.545.687

Kỳ hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán kinh doanh				
Trái phiếu Chính phủ	8 tháng - 8 năm	5,6% - 11,50%	2 năm - 5 năm	5,40% - 12,10%
Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	8 tháng - 2 năm	5,6% - 11,50%	2 năm - 15 năm	4,00% - 12,25%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	9 tháng	10,33%	Không áp dụng	Không áp dụng

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	89.198	131.992
(Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 28))	56.044	(78.784)
Phân loại lại từ dự phòng chứng đầu tư sẵn sàng để bán sang dự phòng chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 11)	-	35.990
Số dư cuối năm	145.242	89.198

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)		Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	7.116.212	33.740	-	33.740
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.748.854	62.697	-	62.697
	12.865.066	96.437	-	96.437
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.694.917	-	(10.017)	(10.017)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.257.284	15.404	-	15.404
	13.952.201	15.404	(10.017)	5.387

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	116.341.975	96.794.422
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	432.151	521.654
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	533.357	303.030
Các khoản trả thay cho khách hàng	19.796	55.962
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	2.627.945	1.902.798
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	1.393.406	991.140
	121.348.630	100.569.006

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	115.624.100	94.348.654
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	2.381.530	2.483.762
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	425.343	478.087
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	442.136	902.868
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.082.115	1.364.495
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	1.393.406	991.140
	121.348.630	100.569.006

Phân tích dư nợ theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Ngắn hạn	62.310.541	62.167.148
Trung hạn	23.886.445	18.711.835
Dài hạn	33.758.238	18.698.883
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	1.393.406	991.140
	121.348.630	100.569.006

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2015 Triệu VND	%	31/12/2014 Triệu VND	%
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng				
Cho vay các TCKT	85.429.402	70,39	76.710.831	76,28
Công ty Nhà nước	4.618.039	3,81	6.439.076	6,40
Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước 100%	9.462.984	7,80	8.434.830	8,39
Công ty TNHH trên MTV vốn Nhà nước lớn hơn 50%	236.835	0,20	436.267	0,43
Công ty TNHH khác	25.657.511	21,14	22.135.325	22,01
Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước lớn hơn 50% (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)	9.636.970	7,94	7.688.164	7,65
Công ty cổ phần khác	33.029.850	27,20	27.366.982	27,21
Doanh nghiệp tư nhân	1.884.653	1,55	3.641.774	3,62
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	713.785	0,59	408.081	0,41
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	188.775	0,16	160.332	0,16
Cho vay cá nhân	31.279.104	25,78	20.518.483	20,40
Hộ kinh doanh, cá nhân	31.279.104	25,78	20.518.483	20,40
Cho vay khác	618.773	0,51	445.755	0,44
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	397.121	0,33	82.297	0,08
Thành phần kinh tế khác	221.652	0,18	363.458	0,36
Cho vay tại các Chi nhánh nước ngoài	2.627.945	2,17	1.902.797	1,89
Cho vay doanh nghiệp	2.243.608	1,85	1.639.740	1,63
Cho vay cá nhân	384.337	0,32	263.057	0,26
	119.955.224	98,85	99.577.866	99,01
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB				
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	1.393.406	1,15	991.140	0,99
	121.348.630	100	100.569.006	100

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2015 Triệu VND	%	31/12/2014 Triệu VND	%
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng				
Nông lâm nghiệp, thủy sản	1.892.700	1,56	3.079.020	3,06
Khai khoáng	3.622.702	2,99	3.620.495	3,60
Công nghiệp chế biến, chế tạo	19.879.561	16,38	19.274.875	19,17
SX&PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	4.222.497	3,48	6.264.769	6,23
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	251.939	0,21	58.934	0,06
Xây dựng	10.600.141	8,74	8.735.158	8,69
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	33.570.465	27,65	27.673.827	27,52
Vận tải, kho bãi	10.353.397	8,53	6.289.588	6,25
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	1.046.599	0,86	648.520	0,64
Thông tin & truyền thông	2.611.501	2,15	1.742.169	1,73
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	724.406	0,6	1.079.729	1,07
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.603.442	3,79	4.253.185	4,23
Hoạt động chuyên môn, khoa học & công nghệ	250.806	0,21	200.665	0,20
Hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ	505.878	0,42	438.481	0,44
Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị xã hội, QLNN, ANQP, Bảo đảm xã hội bắt buộc	52.859	0,04	23.874	0,02
Giáo dục và đào tạo	69.234	0,06	76.501	0,08
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	259.041	0,21	262.884	0,26
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	43.401	0,04	20.901	0,02

Hoạt động dịch vụ khác	275.095	0,23	200.764	0,20
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	22.491.615	18,53	13.730.730	13,65
Dư nợ tại Chi nhánh nước ngoài	2.627.945	2,17	1.902.797	1,89
	119.955.224	98,85	99.577.866	99,01
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB				
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	1.393.406	1,15	991.140	0,99
	121.348.630	100	100.569.006	100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Cho vay bằng VND	6,20% - 10,00%	7,50% - 11,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,65% - 4,75%	3,05% - 4,75%

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG**Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:**

	31/12/2014 TRIỆU VND	31/12/2013 TRIỆU VND
Dự phòng chung (i)	868.954	707.121
Dự phòng cụ thể (ii)	1.107.428	1.755.620
	1.976.382	2.462.741

(i) **Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:**

2015			
	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	692.919	14.202	707.121
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	154.468	7.365	161.833
Số dư cuối năm	847.387	21.567	868.954

2014			
	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	578.531	13.189	591.720
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	114.388	1.013	115.401
Số dư cuối năm	692.919	14.202	707.121

(ii) **Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:**

2015			
	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	1.704.284	51.336	1.755.620
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	1.498.436	48.812	1.547.248
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(2.184.854)	(10.586)	(2.195.440)
Số dư cuối năm	1.017.866	89.562	1.107.428

2014

	Tại Việt Nam Triệu VND	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	1.161.770	16.658	1.178.428
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	1.886.785	34.678	1.921.463
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(1.344.271)	-	(1.344.271)
Số dư cuối năm	1.704.284	51.336	1.755.620

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
* Trái phiếu Chính phủ	18.919.916	16.250.866
* Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	18.828.069	26.820.732
* Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	1.280.756	700.000
* Trái phiếu do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	-	100.000
Chứng khoán Vốn		
* Cổ phiếu do các TCTD trong nước phát hành	110.000	110.000
* Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	374.285	666.048
	39.513.026	44.647.646
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(57.432)	(96.807)
	39.455.594	44.550.839

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
* Trái phiếu Chính phủ	50.000	50.000
* Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	40.000	40.000
* Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	2.080.000	2.080.000
* Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1.852.635	1.011.635
* Trái phiếu đặc biệt	4.047.501	3.275.629
	8.070.136	6.457.264
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(765.532)	(227.009)
	7.304.604	6.230.255
	46.760.198	50.781.094

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

31/12/2015			31/12/2014	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán				
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	3 tháng - 15 năm	0,00% - 13,20%	1 năm - 10 năm	5,60% - 13,20%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	6 tháng - 5 năm	7,90% - 10,33%	3 năm - 5 năm	8,00% - 9,05%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	Không áp dụng	Không áp dụng	4 năm	12,38%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	5 năm	12,30% - 12,60%	5 năm	12,30% - 12,60%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	3 năm - 11 năm	9,00% - 14,00%	2 năm - 11 năm	9,00% - 17,20%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	3 năm - 10 năm	0,00% - 14,40%	3 năm - 10 năm	6,00% - 14,50%

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	96.807	80.545
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(20.774)	52.252
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán sang dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	-	(35.990)
Sử dụng dự phòng trong năm	(18.601)	-
Số dư cuối năm	57.432	96.807

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	227.009	105.500
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	26.081	(7.913)
Dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 32)	512.442	129.422
Số dư cuối năm	765.532	227.009

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm triệu 641.864 triệu VND dự phòng trái phiếu đặc biệt (31/12/2014: 129.422 triệu VND).

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	2.741.181	2.811.635
Nợ cần chú ý	-	200.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	100.000
Nợ có khả năng mất vốn	280.000	80.000
	3.021.181	3.191.635

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	362.470	361.960
Đầu tư dài hạn khác (ii)	1.464.944	1.270.732
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (iii)	(221.292)	(173.042)
	1.606.122	1.459.650

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	49,77%	258.591	268.492
Công ty Cổ phần VIETASSET	45,00%	25.000	25.000
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	44,39%	65.675	68.978
		349.266	362.470

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	49,76%	258.591	267.982
Công ty Cổ phần VIETASSET	45,00%	25.000	25.000
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	44,97%	65.675	68.978
		349.266	361.960

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	718.397	664.050
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	88.000	88.000
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	35.443	66.929
Đầu tư vào các dự án dài hạn	623.104	451.753
	1.464.944	1.270.732

(iii) **Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:**

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	173.042	110.419
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	48.250	85.620
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(22.997)
Số dư cuối năm	221.292	173.042

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	428.987	655.434	440.162	119.210	1.643.793
Tăng trong năm	54.630	69.286	47.636	8.835	180.387
Giảm trong năm	-	(2.693)	(107)	(1.201)	(4.001)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	483.617	722.027	487.691	126.844	1.820.179
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	49.477	497.618	258.546	62.982	868.623
Khấu hao trong năm	18.878	106.362	76.629	23.063	224.932
Giảm trong năm	-	(3.384)	-	(1.077)	(4.461)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	68.355	600.596	335.175	84.968	1.089.094
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	379.510	157.816	181.616	56.228	775.170
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.262	121.431	152.516	41.876	731.085

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	314.035	572.505	384.939	70.099	1.341.578
Tăng trong năm	114.952	84.473	55.381	50.653	305.459
Giảm trong năm	-	(1.544)	(158)	(1.542)	(3.244)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	428.987	655.434	440.162	119.210	1.643.793
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	33.971	390.594	179.334	41.585	645.484
Khấu hao trong năm	15.506	108.568	79.401	22.591	226.066
Giảm trong năm	-	(1.544)	(189)	(1.194)	(2.927)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.477	497.618	258.546	62.982	868.623
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	280.064	181.911	205.605	28.514	696.094
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	379.510	157.816	181.616	56.228	775.170

15 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	914.588	266.069	277.311	1.457.968
Tăng trong năm	19.320	97.426	-	116.746
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	933.908	363.495	277.311	1.574.714
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	70.038	235.768	-	305.806
Khấu hao trong năm	17.468	50.836	-	68.304
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	87.506	286.604	-	374.110
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	844.550	30.301	277.311	1.152.162
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	846.402	76.891	277.311	1.200.604

15 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)**Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	871.453	253.353	277.311	1.402.117
Tăng trong năm	43.135	12.716	-	55.851
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	914.588	266.069	277.311	1.457.968
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	52.722	208.140	-	260.862
Khấu hao trong năm	17.316	27.628	-	44.944
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	70.038	235.768	-	305.806
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	818.731	45.213	277.311	1.141.255
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	844.550	30.301	277.311	1.152.162

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	273.170	178.592
Tăng trong năm	37.905	139.080
Giảm trong năm	(9.087)	(44.502)
Số dư cuối năm	301.988	273.170
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	505	-
Khấu hao trong năm	3.032	505
Số dư cuối năm	3.537	505
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	272.665	178.592
Số dư cuối năm	298.451	272.665

Bao gồm trong nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá với giá trị ghi sổ là 177.695 triệu VND (31/12/2014: 154.941 triệu VND). Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không xác định được một cách đáng tin cậy do không có thị trường hoạt động cho các tài sản này.

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Các khoản phải thu		
Xây dựng cơ bản dở dang	208.818	669.482
Các khoản phải thu nội bộ	84.906	103.740
Các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	1.229.089
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng xây dựng	4.067.625	1.536.324
Đặt cọc hợp đồng bảo hiểm	226.434	104.433
Các khoản ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng nước ngoài	80.551	53.308
Các khoản phải thu khách hàng của các công ty con	487.371	499.828
Các khoản trả trước cho người bán	61.106	89.131
Các khoản phải thu khác	440.355	366.913
	5.657.165	4.652.248
Các khoản lãi và phí phải thu	2.865.221	3.514.341
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 33)	1.805	2.944
Tài sản Có khác		
Chi phí chờ phân bổ	422.544	358.537
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD	657.419	377.643
Các tài sản có khác	41.942	20.383
	1.121.905	756.563
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (i)	(214.818)	(161.774)
	9.431.279	8.764.322

(i) **Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác:**

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	161.774	374.182
Trích lập dự phòng thuần trong năm (Thuyết minh 32)	54.045	7.892
Phân loại lại từ dự phòng rủi ro cho tài sản Có khác sang dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác (Thuyết minh 7)	-	(196.000)
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.001)	(24.300)
Số dư cuối năm	214.818	161.774

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt nam		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.411.502	-

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	39.439	3.774
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	237.502	205.420
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2.565.142	306.146
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	641.516	451.375
	3.483.599	966.715

Tiền vay

Tiền vay bằng VND	3.828.877	3.425.000
Tiền vay bằng ngoại tệ	197.010	212.460
	4.025.887	3.637.460
	7.509.486	4.604.175

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,60% - 5,20%	3,20% - 3,60%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10%	1,30% - 2,95%
Tiền vay bằng VND	4,50% - 6,25%	3,30% - 12,00%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,15% - 0,20%	2,00%

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	33.411.670	32.270.451
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	23.136.215	5.356.289
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	100.830.732	94.492.919
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.081.658	5.154.470

Tiền gửi vốn chuyên dụng

Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	695.792	1.176.608
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	40.684	38.522

Tiền ký quỹ

Tiền ký quỹ bằng VND	13.086.294	18.115.949
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	4.282.339	11.003.299
	181.565.384	167.608.507

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tổ chức kinh tế	108.575.880	101.363.740
Cá nhân	72.989.504	66.244.767
	181.565.384	167.608.507

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 6,20%	1,00% - 6,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,50% - 0,75%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của MB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NHNNVN.

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro là vốn nhận từ nguồn vốn viện trợ ODA Nhật Bản với Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thỏa thuận khung được ký kết vào ngày 17 tháng 3 năm 2010. Các khoản vay có thời hạn là trung và dài hạn và có lãi suất năm theo kỳ trả nợ đầu tiên là khác nhau cho các lần nhận nợ khác nhau, sau đó được điều chỉnh hàng quý trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay. Lãi suất năm áp dụng cho năm 2015 là từ 4,56% đến 4,92 % (năm 2014: từ 5,16% đến 5,88%).

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2015 (Triệu VND)	31/12/2014 (Triệu VND)
Trái phiếu phổ thông phát hành (i)	2.370.000	2.000.000
Giấy tờ có giá khác	80.058	58
	2.450.058	2.000.058

(i) Trái phiếu phổ thông phát hành bao gồm:

Ngày phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Giá trị (Triệu VND)
28 tháng 12 năm 2010	11 năm	12,00%	2.000.000
17 tháng 11 năm 2015	3 năm	8,20%	70.000
15 tháng 6 năm 2015	3 năm	8,20%	300.000
			2.370.000

23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Lãi và phí phải trả	1.786.044	1.914.914
Các khoản phải trả và công nợ khác	2.818.510	6.988.520
Các khoản phải trả nội bộ	386.195	501.772
Ký quỹ của nhà đầu tư chứng khoán	517.594	365.958
Các khoản phải trả cho khách hàng	650.544	264.786
Các khoản phải trả cổ tức	18.617	17.334
Phải trả liên quan đến dự án bất động sản	102.996	100.233
Các khoản phải trả khác	1.032.152	5.524.168
Thuế phải trả (Thuyết minh 38)	110.412	214.269
	4.604.554	8.903.434

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN VÀ CÁC QUỸ HỢP NHẤT

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của MB và lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	11.256.250	338.421	871.384
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	337.688	-	-
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2013	-	-	222.253
Tạm trích quỹ năm 2014	-	-	7.261
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	(10)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
Biến động khác	-	-	-
Tăng/(giảm) vốn và quỹ cho các cổ đông thiểu số	-	-	(1.340)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	11.593.938	338.421	1.099.548

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Lợi ích của cổ đông kiểm soát Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
441.744	111.147	2.129.237	558.884	15.707.067
-	-	2.475.969	27.018	2.502.987
-	-	(337.688)	-	-
111.127	145.425	(478.805)	-	-
4.728	43.411	(55.400)	-	-
-	(116.036)	-	-	(116.046)
-	-	(811.576)	(1.475)	(813.051)
-	-	(143.570)	-	(143.570)
-	-	10.825	-	10.825
(912)	(447)	-	2.699	-
556.687	183.500	2.788.992	587.126	17.148.212

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của MB và lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	11.593.938	338.421	1.099.548
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	4.058.244	380.103	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	347.818	-	-
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2014	-	-	237.053
Tạm trích các quỹ cho năm 2015	-	-	1.187
Tiền cổ tức trong năm	-	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc của chi nhánh nước ngoài	-	-	-
Biến động khác	-	-	-
Tăng lợi ích cổ đông kiểm soát do thay đổi quyền sở hữu công ty con	-	-	-
Tăng/(giảm) vốn và quỹ cho các cổ đông thiểu số	-	-	(349)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	16.000.000	718.524	1.337.439

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
556.687	183.500	2.788.992	587.126	17.148.212
-	-	-	-	4.438.347
-	-	2.495.993	16.141	2.512.134
-	-	(347.818)	-	-
119.346	172.740	(529.139)	-	-
-	37.763	(38.950)	-	-
-	-	(579.697)	(1.475)	(581.172)
-	(168.288)	-	-	(168.288)
-	-	(153.658)	-	(153.658)
-	2.675	(2.675)	-	-
-	-	86	-	86
-	-	-	(12.610)	(12.610)
241	(412)	-	520	-
676.274	227.978	3.633.134	589.702	23.183.051

Vốn cổ phần

31/12/2015		
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.600.000.000	16.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000.000	16.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000.000	16.000.000

31/12/2014		
	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.159.393.750	11.593.938
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.159.393.750	11.593.938
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.159.393.750	11.593.938

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

25 THU NHẬP LÃI THUẦN

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi tại các TCTD	290.637	112.401
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	8.429.873	7.736.653
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	4.077.335	5.152.262
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	614.513	495.902
Các hoạt động tín dụng khác	125.270	147.288
	13.537.628	13.644.506
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho		
Các khoản tiền gửi	(5.439.621)	(5.831.395)
Các khoản tiền vay	(350.064)	(442.844)
Phát hành giấy tờ có giá	(263.710)	(240.003)
Các hoạt động tín dụng khác	(165.703)	(94.287)
	(6.219.098)	(6.608.529)
Thu nhập lãi thuần	7.318.530	7.035.977

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	324.555	271.053
Dịch vụ chứng khoán	123.831	153.691
Dịch vụ quản lý quỹ	14.627	19.936
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khách sạn	77.917	15.403
Doanh thu từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	61.670	44.461
Doanh thu từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	205.166	144.762
Dịch vụ khác	720.204	262.984
	1.527.970	912.290
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(94.102)	(53.749)
Chi phí về dịch vụ chứng khoán	(26.016)	(33.294)
Chi phí cho hoạt động kinh doanh khách sạn	(49.570)	(10.122)
Chi phí cho hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	(40.912)	(43.027)
Chi phí từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	(161.321)	(124.140)
Dịch vụ khác	(612.211)	(193.458)
	(984.132)	(457.790)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	543.838	454.500

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ VÀNG

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	301.844	163.122
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	228.054	317.140
	529.898	480.262
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(227.598)	(54.513)
Chi phí từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(143.252)	(335.914)
	(370.850)	(390.427)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	159.048	89.835

28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH, CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn đầu tư dài hạn	630.468	494.768
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn đầu tư dài hạn	(386.833)	(137.296)
	243.635	357.472
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(56.044)	78.784
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 12)	20.774	(52.252)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 12)	(26.081)	7.913
(Trích lập) dự phòng giảm giá góp vốn và đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13)	(48.250)	(85.620)
	(109.601)	(51.175)
	134.034	306.297

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu từ các khoản nợ đã xử lý	458.775	219.045
Thu từ các hoạt động kinh doanh mua bán bất động sản	34.101	34.919
Thu từ hoạt động ủy thác	7.227	48.471
Thu nhập khác - thuần	24.636	39.326
	524.739	341.761

30. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ góp vốn đầu tư dài hạn	42.989	40.705
Cổ tức nhận được từ chứng khoán kinh doanh	23.506	30.269
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết	25.184	7.550
	91.679	78.524

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	161.967	147.948
Lương và các chi phí liên quan	1.660.746	1.496.572
Chi phí lương và phụ cấp	1.535.745	1.384.417
Các chi phí theo lương	119.792	107.662
Chi trợ cấp thất nghiệp	1.717	1.055
Chi công tác xã hội	3.492	3.438
Chi phí về tài sản	741.143	658.808
Trong đó:		
Chi phí khấu hao và khấu trừ	296.267	271.515
Chi phí thuê văn phòng	303.485	266.546
Chi phí quản lý doanh nghiệp	521.690	498.976
Trong đó:		
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	56.282	63.623
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và thông tin liên lạc	224.499	223.183
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	97.806	78.335
Chi phí hoạt động khác	265.777	233.563
	3.449.129	3.114.202

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
(Hoàn nhập) dự phòng chung cho vay các TCTD khác		-	(132.599)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	(173.500)	197.200
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	11	161.833	115.401
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	11	1.547.248	1.921.463
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	17	54.045	7.892
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12	512.442	129.422
(Hoàn nhập) dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng		-	(220.089)
		2.102.068	2.018.690

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	707.398	668.351
	707.398	668.351
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.139	2.664
Chi phí thuế thu nhập	708.537	671.015

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	3.220.671	3.174.002
Điều chỉnh cho các khoản		
- Thu nhập không chịu thuế	(88.706)	(73.290)
- Các giao dịch nội bộ được miễn trừ khi hợp nhất	7.964	(25.469)
- Lợi nhuận của chi nhánh nước ngoài	(23.914)	(27.796)
- Lợi nhuận của các công ty con	(96.059)	(91.544)
- Chuyển lỗ tính thuế TNDN từ năm trước của công ty con	-	(44.413)
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận	20.314	-
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(5.175)	(12.109)
- Chi phí không được khấu trừ thuế	32.465	4.750
	3.067.560	2.904.131
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất của Ngân hàng	674.863	638.909
Thuế TNDN của chi nhánh nước ngoài	7.579	9.505
Thuế TNDN của các công ty con	21.208	19.870
Dự phòng thiếu trong những năm trước tại các công ty con	3.748	67
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại của các công ty con	1.139	2.664
Tổng chi phí thuế thu nhập	708.537	671.015

(c) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.944	5.608
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.139)	(2.664)
Số dư cuối năm	1.805	2.944

(d) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo thuế suất bằng 22% lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập 22% áp dụng cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập của MB Cap cho năm 2015 được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính và 22% đối với thu nhập trước thuế từ các hoạt động kinh doanh khác trong năm (2014: áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính và 22% đối với thu nhập trước thuế từ các hoạt động kinh doanh khác).

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 2.495.993 triệu VND (2014: 2.475.970 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.312.031.426 cổ phiếu (2014: 1.194.175.562 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.495.993	2.475.969

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014 Trình bày lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.159.393.750	1.125.625.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	117.855.864	-
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	34.781.812	68.550.562
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12	1.312.031.426	1.194.175.562

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 Trình bày lại VND	2014 Như đã trình bày trước đây VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.902	2.073 (*)	2.136

(*) Trình bày lại tính đến ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2015. Ngân hàng không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.235.658	1.233.231
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	8.181.894	6.067.482
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	16.584.814	11.041.165
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	1.791.676
	26.002.366	20.133.554

36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của MB và do Ban Điều hành MB phê duyệt.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

Số dư

	31/12/2015 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)	31/12/2014 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)
Cổ đông lớn		
Tiền gửi tại Ngân hàng	(11.483.885)	(13.073.013)
Tiền Ngân hàng cho vay	3.247.590	2.000.000
Tiền Ngân hàng vay	(2.000.000)	(2.200.000)
Phát hành giấy tờ có giá	(2.000.000)	(2.000.000)

Giao dịch

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Cổ đông lớn		
Chi phí lãi tiền gửi	(736.807)	(581.195)
Chi phí lãi tiền vay	(227.536)	(239.342)
Thu nhập lãi tiền vay	371.997	268.323

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	7.204	6.507
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương và phụ cấp	953.442	858.371
2. Thưởng	346.389	331.522
3. Thu nhập khác	235.914	194.524
Tổng thu nhập	1.535.745	1.384.417
Tiền lương bình quân tháng	11,03	10,99
Thu nhập bình quân tháng	17,76	17,73

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

	1/1/2015 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	7.520	108.570	(65.341)	50.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.280	707.398	(834.392)	31.286
Các loại thuế khác	48.469	240.474	(260.566)	28.377
	214.269	1.056.442	(1.160.299)	110.412

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	1/1/2014 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.866	51.822	(48.168)	7.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.809	668.351	(597.880)	158.280
Các loại thuế khác	56.852	196.544	(204.927)	48.469
	148.527	916.717	(850.975)	214.269

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho vay khách hàng - gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	118.720.685	181.024.833	36.520.147	96.437	51.197.471
Nước ngoài	2.627.945	540.551	-	-	-
	121.348.630	181.565.384	36.520.147	96.437	51.197.471

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho vay khách hàng - gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	98.666.209	167.351.377	49.818.377	5.387	61.650.597
Nước ngoài	1.902.797	257.130	8.872	-	-
	100.569.006	167.608.507	49.827.249	5.387	61.650.597

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý

MB theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính như sau:

31 tháng 12 năm 2015	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	159.993.011	11.642.655	45.962.472	3.443.855	221.041.993
Nợ phải trả	139.791.213	11.542.763	43.118.652	3.406.314	197.858.942
Tài sản cố định - thuần	1.646.611	65.452	192.905	26.721	1.931.689
2015					
Doanh thu	8.877.886	1.459.155	5.516.080	208.500	15.500.363
Chi phí	6.312.719	1.324.200	5.019.435	184.586	12.279.692
Lợi nhuận trước thuế	2.565.157	134.955	496.645	23.914	3.220.671

31 tháng 12 năm 2014	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	152.409.561	9.423.975	36.257.936	2.397.702	200.489.174
Nợ phải trả	136.974.886	9.425.857	34.589.402	2.350.817	183.340.962
Tài sản cố định - thuần	1.836.819	19.909	65.035	5.569	1.927.332
2014					
Doanh thu	9.031.400	1.394.983	4.802.032	163.682	15.392.097
Chi phí	6.420.388	1.303.602	4.358.219	135.886	12.218.095
Lợi nhuận trước thuế	2.611.012	91.381	443.813	27.796	3.174.002

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động

Cho mục đích quản lý, MB được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau:

- * Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp: Các dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân bao gồm:
 - tiền gửi khách hàng;
 - tín dụng;
 - dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền;

Các dịch vụ cho các khách hàng doanh nghiệp như cung cấp tín dụng, bảo lãnh, tiền gửi...

- * Đầu tư: Đầu tư chứng khoán và bất động sản.
- * Hoạt động liên ngân hàng: Các hoạt động huy động, cho vay và các hoạt động khác liên ngân hàng.
- * Khối quản lý tài sản: Các quỹ đầu tư tại Ngân hàng và hoạt động của MB AMC
- * Các hoạt động chung không phân bổ: Các hoạt động chung không phân bổ tại Ngân hàng và hoạt động của các công ty con khác MB AMC

MB hoạt động trong lĩnh vực khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đầu tư, hoạt động liên ngân hàng, khối quản lý tài sản và hoạt động không phân bổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp VND	Đầu tư VND
Tài sản	122.008.388	47.721.041
Nợ phải trả	185.201.860	2.000.000
Tài sản cố định - thuần	-	-
2015		
Doanh thu	9.460.818	4.138.993
Chi phí	7.318.795	857.028
Lợi nhuận trước thuế	2.142.023	3.281.965
31 tháng 12 năm 2014	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp VND	Đầu tư VND
Tài sản	89.972.987	62.290.922
Nợ phải trả	137.126.659	20.527.466
Tài sản cố định - thuần	-	-
2014		
Doanh thu	7.305.198	6.512.715
Chi phí	6.200.903	3.802.409
Lợi nhuận trước thuế	1.104.295	2.710.306

Hoạt động liên ngân hàng VND	Khối quản lý tài sản VND	Hoạt động chung không phân bổ VND	Tổng cộng VND
28.428.691	2.202.717	20.681.156	221.041.993
7.173.104	1.025.062	2.458.916	197.858.942
-	2.200	1.929.489	1.931.689
278.998	366.299	1.816.513	16.061.621
283.078	356.726	4.025.323	12.840.950
(4.080)	9.573	(2.208.810)	3.220.671
Hoạt động liên ngân hàng VND	Khối quản lý tài sản VND	Hoạt động chung không phân bổ VND	Tổng cộng VND
22.110.144	2.158.468	23.956.653	200.489.174
16.822.282	975.063	7.889.492	183.340.962
-	2.443	1.924.889	1.927.332
413.907	317.268	843.009	15.392.097
313.677	252.945	1.648.161	12.218.095
100.230	64.323	(805.152)	3.174.002

40. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

(ii) Rủi ro tín dụng

MB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi MB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi MB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà MB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của MB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra MB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- * Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- * Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- * Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- * Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được NHNNVN chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá trị của MB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89. MB đánh giá rằng MB hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	2.500	-	-	264.000	266.500
Cho vay khách hàng - gộp	2.381.530	425.343	442.136	1.377.636	4.626.645
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	280.000	280.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	280.000	280.000
Tài sản Có khác - gộp	-	-	34.552	594.821	629.373
	2.384.030	425.343	476.688	2.516.457	5.802.518

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	-	442.500	442.500
Cho vay khách hàng - gộp	2.631.165	478.087	902.868	1.580.636	5.592.756
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	100.000	-	280.000	380.000
Đầu tư sẵn sàng để bán	-	100.000	-	-	100.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	280.000	280.000
Tài sản Có khác - gộp	-	5.469	13.541	576.695	595.705
	2.631.165	583.556	916.409	2.879.831	7.010.961

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Bất động sản	94.111.046	79.702.809
Động sản	98.260.814	75.022.958
Giấy tờ có giá	16.693.296	15.158.830
Các khoản phải thu	125.340.841	101.293.544
Các tài sản đảm bảo khác	57.816.971	35.160.656
	392.222.968	306.338.797

MB chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản đảm bảo này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo ước tính của MB và người đi vay.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những có cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng
Tài sản			
Tiền mặt và vàng	-	-	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	2.500	264.000	15.550.118
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.809.280
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	96.437
Cho vay khách hàng - gộp	2.381.530	2.245.115	8.289.612
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	280.000	2.183.010
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	32.530	-
Tài sản cố định	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản Có khác - gộp	-	629.373	8.513.786
	2.384.030	3.451.018	45.859.795
Nợ phải trả			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.411.502
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	4.908.377
Tiền gửi của khách hàng	-	-	59.545.671
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	80.058
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	2.369.389
	-	-	68.314.997
Mức chênh thanh khoản ròng	2.384.030	3.451.018	(22.455.202)

Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
-	-	-	-	1.235.658
-	-	-	-	8.181.894
7.405.648	3.705.684	-	2.000.000	28.927.950
447.830	646.155	560.193	150.851	3.614.309
-	-	-	-	96.437
26.811.358	35.091.563	31.703.848	14.825.604	121.348.630
4.081.485	5.401.685	32.321.551	3.315.431	47.583.162
-	626.004	9.900	1.158.980	1.827.414
-	-	295.325	1.636.364	1.931.689
-	-	-	298.451	298.451
74.285	334.843	49.017	44.793	9.646.097
38.820.606	45.805.934	64.939.834	23.430.474	224.691.691
-	-	-	-	1.411.502
68.544	497.010	35.555	2.000.000	7.509.486
48.515.230	55.256.313	8.974.687	9.273.483	181.565.384
767	7.871	309.320	-	317.958
-	-	370.000	2.000.000	2.450.058
211.207	2.021.179	2.779	-	4.604.554
48.795.748	57.782.373	9.692.341	13.273.483	197.858.942
(9.975.142)	(11.976.439)	55.247.493	10.156.991	26.832.749

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng
Tài sản			
Tiền mặt và vàng	-	-	1.233.231
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.067.482
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	442.500	10.494.479
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	864.291
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	5.387
Cho vay khách hàng - gộp	2.631.165	2.961.591	10.156.891
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	380.000	2.390.963
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	32.530	-
Tài sản cố định	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản Có khác - gộp	-	595.705	5.845.761
	2.631.165	4.412.326	37.058.485
Nợ phải trả			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	1.286.112
Tiền gửi của khách hàng	-	-	58.958.147
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	5.668
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	58
Nợ phải trả khác	-	-	2.407.243
	-	-	62.657.228
Mức chênh thanh khoản ròng	2.631.165	4.412.326	(25.598.743)

Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
-	-	-	-	1.233.231
-	-	-	-	6.067.482
4.900.584	3.520.194	500.000	2.000.000	21.857.757
322.081	4.467.486	4.212.112	679.717	10.545.687
-	-	-	-	5.387
25.204.871	21.777.387	30.016.709	7.820.392	100.569.006
4.916.705	14.690.628	26.564.514	2.162.100	51.104.910
-	-	443.761	1.156.401	1.632.692
-	-	290.909	1.636.423	1.927.332
-	-	-	272.665	272.665
1.055.505	500.425	500.004	428.696	8.926.096
36.399.746	44.956.120	62.528.009	16.156.394	204.142.245
596.594	602.162	119.307	2.000.000	4.604.175
46.941.874	41.997.639	11.073.818	8.637.029	167.608.507
125	5.424	213.571	-	224.788
-	-	-	2.000.000	2.000.058
246.331	6.151.906	97.954	-	8.903.434
47.784.924	48.757.131	11.504.650	12.637.029	183.340.962
(11.385.178)	(3.801.011)	51.023.359	3.519.365	20.801.283

(iv) Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập MB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những có cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục. Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	1.235.658	-	-	-	-	-	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894	-	-	-	-	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	266.500	-	15.705.281	7.250.485	3.046.364	659.320	2.000.000	28.927.950
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	647.578	1.161.701	447.831	590.619	55.536	711.044	3.614.309
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	96.437	-	-	-	-	96.437
Cho vay khách hàng - gộp	4.626.645	-	10.434.072	62.781.377	24.984.144	12.371.592	6.150.800	121.348.630
Chứng khoán đầu tư - gộp	280.000	484.285	1.978.730	4.081.485	3.147.938	2.053.850	35.556.874	47.583.162
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	32.530	1.794.884	-	-	-	-	-	1.827.414
Tài sản cố định	-	1.931.689	-	-	-	-	-	1.931.689
Bất động sản đầu tư	-	298.451	-	-	-	-	-	298.451
Tài sản Có khác - gộp	629.373	9.016.724	-	-	-	-	-	9.646.097
	5.835.048	15.409.269	37.558.115	74.561.178	31.769.065	15.140.298	44.418.718	224.691.691
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.411.502	-	-	-	-	1.411.502
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.908.377	68.544	50.000	497.010	1.985.555	7.509.486
Tiền gửi của khách hàng	-	586.752	55.477.340	55.633.550	26.841.168	29.142.493	13.884.081	181.565.384
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	767	3.165	4.706	309.320	317.958
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	80.058	-	-	-	2.370.000	2.450.058
Các khoản nợ khác	-	4.604.554	-	-	-	-	-	4.604.554
	-	5.191.306	61.877.277	55.702.861	26.844.333	29.644.209	18.548.956	197.858.942
Mức chênh lệch cam với lãi suất	5.835.048	10.217.965	(24.319.162)	18.858.317	4.924.732	(14.503.911)	25.869.762	26.832.749

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	1.233.231	-	-	-	-	-	1.233.231
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.067.482	-	-	-	-	6.067.482
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	442.500	-	10.357.731	5.009.995	3.546.531	1.000	2.500.000	21.857.757
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	505.404	358.887	322.081	2.056.020	2.411.466	4.891.829	10.545.687
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	5.387	-	-	-	-	-	5.387
Cho vay khách hàng - gộp	5.592.756	-	23.177.661	38.408.955	22.126.314	9.578.808	1.684.512	100.569.006
Chứng khoán đầu tư - gộp	380.000	782.038	2.012.963	4.916.705	6.642.217	7.771.010	28.599.977	51.104.910
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	32.530	1.600.162	-	-	-	-	-	1.632.692
Tài sản cố định	-	1.927.332	-	-	-	-	-	1.927.332
Bất động sản đầu tư	-	272.665	-	-	-	-	-	272.665
Tài sản Có khác - gộp	595.214	8.330.882	-	-	-	-	-	8.926.096
	7.043.000	14.657.101	41.974.724	48.657.736	34.371.082	19.762.284	37.676.318	204.142.245
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	1.286.112	596.594	604.667	270.495	1.846.307	4.604.175
Tiền gửi của khách hàng	-	548.919	58.409.229	50.260.388	24.639.869	21.339.987	12.410.115	167.608.507
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	5.668	125	831	4.593	213.571	224.788
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	58	-	-	-	2.000.000	2.000.058
Nợ phải trả khác	-	8.903.434	-	-	-	-	-	8.903.434
	-	9.452.353	59.701.067	50.857.107	25.245.367	21.615.075	16.469.993	183.340.962
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	7.043.000	5.204.748	(17.726.343)	(2.199.371)	9.125.715	(1.852.791)	21.206.325	20.801.283

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2015	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế 31/12/2015 Triệu VND
VND	2,00%	286.006
USD	1,00%	(15.800)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2014	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế 31/12/2014 Triệu VND
VND	2,00%	175.424
USD	1,00%	27.040

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	974.289	208.535	36.086	2.861	13.887	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	3.485.774	4.603.657	-	-	92.463	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	16.883.814	10.506.452	1.338.555	-	199.129	28.927.950
Chứng khoán kinh doanh - gộp	3.614.309	-	-	-	-	3.614.309
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.008.950	(1.891.396)	703	-	(21.820)	96.437
Cho vay khách hàng - gộp	103.279.005	17.816.350	29.850	-	223.425	121.348.630
Chứng khoán đầu tư - gộp	47.583.162	-	-	-	-	47.583.162
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	1.826.769	-	645	-	-	1.827.414
Tài sản cố định	1.838.511	8.123	-	-	85.055	1.931.689
Bất động sản đầu tư	298.451	-	-	-	-	298.451
Tài sản Có khác - gộp	9.376.744	206.120	183	-	63.050	9.646.097
	191.169.778	31.457.841	1.406.022	2.861	655.189	224.691.691
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.411.502	-	-	-	-	1.411.502
Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.433.459	1.066.717	29	-	9.281	7.509.486
Tiền gửi của khách hàng	148.065.173	31.982.869	1.405.039	-	112.303	181.565.384
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	317.958	-	-	-	-	317.958
Phát hành giấy tờ có giá	2.450.058	-	-	-	-	2.450.058
Các khoản nợ khác	4.274.004	214.398	153	-	115.999	4.604.554
	162.952.154	33.263.984	1.405.221	-	237.583	197.858.942
Trạng thái tiền tệ nội bảng	28.217.624	(1.806.143)	801	2.861	417.606	26.832.749
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	(1.165.298)	2.451	-	-	(1.162.847)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	28.217.624	(2.971.441)	3.252	2.861	417.606	25.669.902

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Triệu VND)

	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	941.863	191.481	57.683	2.692	39.512	1.233.231
Tiền gửi tại NHNN	2.594.730	3.271.904	-	-	200.848	6.067.482
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	15.347.171	5.531.958	885.661	-	92.967	21.857.757
Chứng khoán kinh doanh - gộp	10.545.687	-	-	-	-	10.545.687
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(88.960)	94.211	875	-	(739)	5.387
Cho vay khách hàng - gộp	82.742.041	17.530.825	84.688	-	211.452	100.569.006
Chứng khoán đầu tư - gộp	51.104.910	-	-	-	-	51.104.910
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	1.632.009	-	683	-	-	1.632.692
Tài sản cố định	1.927.332	-	-	-	-	1.927.332
Bất động sản đầu tư	272.665	-	-	-	-	272.665
Tài sản Có khác - gộp	8.783.651	132.689	1.662	-	8.094	8.926.096
	175.803.099	26.753.068	1.031.252	2.692	552.134	204.142.245
Nợ phải trả						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.734.920	743.028	18	-	126.209	4.604.175
Tiền gửi của khách hàng	146.055.927	20.446.404	1.026.459	-	79.717	167.608.507
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	224.788	-	-	-	-	224.788
Phát hành giấy tờ có giá	2.000.058	-	-	-	-	2.000.058
Nợ phải trả khác	4.433.935	4.468.684	600	-	215	8.903.434
	156.449.628	25.658.116	1.027.077	-	206.141	183.340.962
Trạng thái tiền tệ nội bảng	19.353.471	1.094.952	4.175	2.692	345.993	20.801.283
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	499.898	-	-	182.520	682.418
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	19.353.471	1.594.850	4.175	2.692	528.513	21.483.701

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu của MB trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Loại tiền	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
VND	14.407	(14.407)
USD	(6)	6
	14.401	(14.401)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Loại tiền	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
VND	10.978	(10.978)
USD	42	(42)
	11.020	(11.020)

41. CAM KẾT HỢP ĐỒNG THUÊ

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

Loại tiền	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Dưới 01 năm	64.654	183.540
Từ 02 đến 05 năm	385.219	369.668
Trên 05 năm	1.085.031	942.567
	1.534.904	1.495.775

42. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Thông tư số 210/2012/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của MB:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và vàng	1.235.658	-	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	28.927.950
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	96.437	-	-
Chứng khoán kinh doanh - gộp	3.614.309	-	-
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	121.348.630
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	8.070.136	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-
Tài sản tài chính khác - gộp	-	-	8.093.218
	4.946.404	8.070.136	166.551.692
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-
	-	-	-

(*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý

Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	Triệu VND
-	-	1.235.658	1.235.658
-	-	8.181.894	8.181.894
-	-	28.927.950	(*)
-	-	96.437	(*)
-	-	3.614.309	(*)
-	-	121.348.630	(*)
39.513.026	-	47.583.162	(*)
1.827.414	-	1.827.414	(*)
-	-	8.093.218	(*)
41.340.440	-	220.908.672	
-	1.411.502	1.411.502	(*)
-	7.509.486	7.509.486	(*)
-	181.565.384	181.565.384	(*)
-	317.958	317.958	(*)
-	2.450.058	2.450.058	(*)
-	3.981.181	3.981.181	(*)
-	197.235.569	197.235.569	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(VND)

	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và vàng	1.233.231	-	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.067.482
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	21.857.757
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10.545.687	-	-
Chứng khoán kinh doanh - gộp	5.387	-	-
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	100.569.006
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	6.457.264	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-
Tài sản tài chính khác - gộp	-	-	7.503.189
	11.784.305	6.457.264	135.997.434
Nợ phải trả tài chính			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-
	-	-	-

(*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý

Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	Triệu VND
-	-	1.233.231	1.233.231
-	-	6.067.482	6.067.482
-	-	21.857.757	(*)
-	-	10.545.687	(*)
-	-	5.387	(*)
-	-	100.569.006	(*)
44.647.646	-	51.104.910	(*)
1.632.692	-	1.632.692	(*)
-	-	7.503.189	(*)
46.280.338	-	200.519.341	
-	4.604.175	4.604.175	(*)
-	167.608.507	167.608.507	(*)
-	224.788	224.788	(*)
-	2.000.058	2.000.058	(*)
-	8.087.443	8.087.443	(*)
-	182.524.971	182.524.971	

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, MB áp dụng các quy định của Thông tư 49. Do vậy, các số liệu so sánh của năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã được trình bày cho năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Năm 2014			
	Như đã báo cáo trước đây Triệu VND	Phân loại lại Triệu VND	Sau khi phân loại lại Triệu VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	13.148.604	495.902	13.644.506
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.408.192	(495.902)	912.290
	14.556.796	-	14.556.796
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	12.982.960	495.902	13.478.862
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	950.402	(495.902)	454.500
	13.933.362	-	13.933.362

44. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được MB áp dụng:

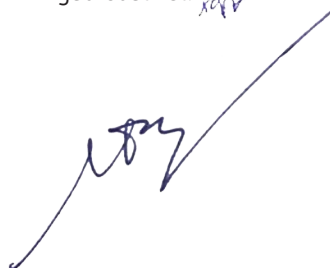
	Tỷ giá ngày	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
USD	21.890	21.246
EUR	24.426	25.857
GBP	33.120	33.093
CHF	22.188	21.466
JPY	186	178
SGD	15.801	16.080
CAD	16.099	18.299
AUD	16.254	17.340

Người lập: 



Bà Lê Khánh Hằng
PT. Phòng Kế toán

Người soát xét: 



Bà Lê Thị Lợi
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Lê Công
Tổng Giám đốc



Tên tiếng Việt : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Tên tiếng Anh : Military Commercial Joint Stock Bank
Tên công ty viết tắt : MCSB
Mã cổ phiếu : MBB, niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/11/2011

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 38 ngày 22/09/2015

Giấy phép số: 0054/NH-GP ngày 14/9/2004 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp kèm theo Quyết định số 194/QĐ-NH5 ngày 14/9/1994 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Vốn điều lệ : 16.000.000.000.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính : Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 04 62661088 Fax: 04 62661080
Email : info@mbbank.com.vn
Website : www.mbbank.com.vn

Ngành nghề kinh doanh:

- Ngân hàng lưu ký;
- Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan theo quy định của pháp luật;
- Mua bán, gia công, chế tác vàng;
- Kinh doanh ngân hàng theo các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác;
- Cung cấp các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ két an toàn;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;

